

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	4
1.1. Lý luận chung về tài chính doanh nghiệp và phân tích tài chính doanh nghiệp	4
1.1.1. Tài chính doanh nghiệp	4
1.1.2. Quản trị tài chính doanh nghiệp.....	5
1.2. Phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp	6
1.2.1. Khái niệm về hoạt động tài chính doanh nghiệp.....	6
1.2.2. Sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ của phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp.	6
1.2.3. Các phương pháp sử dụng trong phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp	10
1.2.4. Tài liệu phục vụ cho phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp	14
1.2.5. Nội dung phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp.....	15
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác phân tích tài chính DN	33
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VẠN LỢI.....	35
2.1. Giới thiệu chung về Công ty CP thép Vạn Lợi.....	35
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP thép Vạn Lợi. ..	35
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực kinh doanh của công ty	36
2.1.3. Bộ máy tổ chức quản lý của công ty	38

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

2.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty CP thép Vạn Lợi trong thời gian gần đây	44
2.2. Phân tích thực trạng tài chính của Công ty CP thép Vạn Lợi.....	46
2.2.1. Phân tích khái quát tình hình tài chính của công ty	46
2.2.2. Phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn	65
2.2.2. Phân tích các hệ số tài chính đặc trưng.....	69
2.3. Đánh giá hoạt động tài chính của Công ty CP thép Vạn Lợi.....	80
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VẠN LỢI	82
3.1. Phương hướng phát triển của Công ty Cổ Phần Thép Vạn Lợi	82
3.1.1. Tình hình chung	82
3.1.2. Phương hướng phát triển của công ty	84
3.2. Một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính tại Công ty Cổ Phần Thép Vạn Lợi.....	86
3.2.1. Một số biện pháp khái quát nhằm nâng cao tình hình tài chính của doanh nghiệp	86
3.2.2. Biện pháp cụ thể cải thiện tình hình tài chính của Công ty CP thép Vạn Lợi.....	90
3.3.2. Đối với tập đoàn thép Vạn Lợi	103
3.3.3. Đối với Công ty CP thép Vạn Lợi.....	103
KẾT LUẬN	107

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

LỜI MỞ ĐẦU

Sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường phụ thuộc vào nhiều yếu tố như môi trường kinh doanh, trình độ quản lý của các nhà doanh nghiệp, đặc biệt là trình độ quản lý tài chính từ khâu sản xuất cho tới khâu tiêu thụ, để đảm bảo đúng tiến độ, không bị gián đoạn, có hiệu quả thì doanh nghiệp phải phân tích tài chính và đánh giá tình hình tài chính, trên cơ sở phát huy những mặt tích cực, đồng thời đề ra những biện pháp kịp thời nhằm cải thiện tình hình tài chính. Vì trong kinh doanh nếu không có quá trình phân tích tài chính thì khi đó việc sử dụng vốn sẽ sai hoặc thiếu vốn hoặc thừa vốn đều ảnh hưởng không tốt tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp thường dùng vốn của mình để đầu tư nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận vì vậy việc phân tích tài chính một cách khoa học và có hiệu quả không những đánh giá được tiềm lực vốn, xem xét thế mạnh trong kinh doanh mà thông qua đó tìm ra được hướng đi vững chắc cho tương lai. Chính vì thế mà phân tích tài chính luôn được các doanh nghiệp đặt lên hàng đầu.

Thấy được tầm quan trọng đó, trên thực tế và lý thuyết, bằng những kiến thức đã học và thời gian thực tập tại công ty CP thép Vạn Lợi em đã chọn thực hiện khóa luận của mình với đề tài “ Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính tại công ty CP thép Vạn Lợi”.

Nội dung khóa luận bao gồm các phần sau:

Chương 1: Lý luận chung về phân tích hoạt động tài chính

Chương 2: Phân tích thực trạng hoạt động tài chính của công ty CP thép Vạn Lợi

Chương 3: Một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần bao bì

**CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

1.1. Lý luận chung về tài chính doanh nghiệp và phân tích tài chính doanh nghiệp

1.1.1. Tài chính doanh nghiệp

Tài chính doanh nghiệp là hệ thống các quan hệ kinh tế có liên quan đến việc hình thành và sử dụng tài sản trong doanh nghiệp. Tài chính được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ và có liên quan trực tiếp tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nguồn hình thành nên tài sản của doanh nghiệp.
- Sự bảo đảm có lợi ích cho người bỏ vốn dưới các hình thức khác nhau.
- Khía cạnh thời hạn của các loại vốn.
- Sự diễn giải các khái niệm về vốn như là tổng giá trị của các loại tài sản dưới hai dạng : vốn trừu tượng và vốn cụ thể.
- Chỉ ra quá trình thay đổi của vốn trong các trường hợp tăng giảm và thay đổi cấu trúc của nó.

Các mối quan hệ kinh tế tài chính chủ yếu bao gồm:

Quan hệ giữa doanh nghiệp với nhà nước: đây là mối quan hệ phát sinh khi doanh nghiệp thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước và khi nhà nước góp vốn và doanh nghiệp.

Quan hệ giữa doanh nghiệp với thị trường tài chính: quan hệ này được thực hiện khi doanh nghiệp tìm kiếm vốn trên thị trường tài chính. Doanh nghiệp có thể vay ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn hoặc có thể phát hành cổ phiếu, trái phiếu để huy động vốn dài hạn. Ngược lại doanh nghiệp phải trả lãi vay và vốn vay, trả lại cổ tức cho các nhà tài trợ.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Quan hệ doanh nghiệp với các thị trường khác: Trong nền kinh tế thị trường doanh nghiệp còn có mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp khác trên thị trường hàng hóa, dịch vụ, sức lao động. Thông qua thị trường này doanh nghiệp có thể xác định nhu cầu hàng hóa và dịch vụ cần thiết để cung ứng. Trên cơ sở đó doanh nghiệp có kế hoạch đầu tư, sản xuất, tiếp thị thỏa mãn nhu cầu thị trường.

Quan hệ nội bộ doanh nghiệp: đây là quan hệ giữa các bộ phận trong doanh nghiệp từ sản xuất tới tiêu thụ sản phẩm, giữa cổ đông và người quản lý, giữa cổ đông và chủ nợ. Các quan hệ này được thực hiện hàng loạt các chính sách: chính sách cổ tức, chính sách vốn, chính sách đầu tư...

1.1.2. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Quản trị tài chính doanh nghiệp là việc lựa chọn và đưa ra các quyết định tài chính, tổ chức thực hiện những quyết định đó nhằm đạt được mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp, đó là tối đa hóa lợi nhuận, không ngừng làm tăng giá trị doanh nghiệp và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Quản trị tài chính có quan hệ chặt chẽ với quản trị doanh nghiệp và giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong quản trị doanh nghiệp. Hầu hết mọi quyết định quản trị đều dựa trên những kết luận rút ra từ những đánh giá về mặt tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp.

Để tiến hành sản xuất kinh doanh đảm bảo các nhà phân tích tài chính phải xử lý, giải quyết 3 vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, nên đầu tư và đâu và đầu tư bao nhiêu là phù hợp với loại hình sản xuất kinh doanh đã lựa chọn. Đây là chiến lược đầu tư dài hạn và là cơ sở sự toán vốn đầu tư.

Thứ hai, nguồn vốn đầu tư mà doanh nghiệp có thể khai thác là nguồn nào?

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Thứ ba, nhà doanh nghiệp sẽ quản lý hoạt động như thế nào? Như việc thu tiền khách hàng và trả tiền của khách hàng và trả tiền cho nhà cung cấp... đây là quản lý tài chính ngắn hạn và chúng liên quan chặt chẽ tới tài sản lưu động của doanh nghiệp.

Ba vấn đề trên không phải là tất cả những vấn đề về tài chính doanh nghiệp mà đó là những vấn đề cơ bản, lớn nhất, quan trọng nhất, và nghiên cứu tài chính doanh nghiệp thực chất là nghiên cứu cách giải quyết ba vấn đề đó, để tìm ra hướng giải quyết tối ưu nhất, mang lại hiệu quả kinh doanh một cách tối đa nhất cho doanh nghiệp.

1.2. Phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm về hoạt động tài chính doanh nghiệp

- Hoạt động tài chính là một bộ phận của hoạt động sản xuất kinh doanh và có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh. Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều ảnh hưởng tới tình hình tài chính của doanh nghiệp. Ngược lại, tình hình tài chính tốt hay xấu có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm quá trình sản xuất kinh doanh. Do vậy, phân tích hoạt động tài chính giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Phân tích hoạt động tài chính là việc miêu tả các mối quan hệ cần thiết giữa các khoản và các nhóm khoản mục trên báo cáo tài chính để xác định các chỉ tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan trong việc đưa ra các quyết định tài chính phù hợp với mục tiêu của đối tượng đó.

1.2.2. Sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ của phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp.

1.2.2.1. Sự cần thiết của phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp.

Phân tích tài chính được các nhà quản lý bắt đầu chú ý từ cuối thế kỷ XIX. Từ đầu thế kỷ XIX đến nay, phân tích tài chính thực sự được phát triển và chú trọng hơn bao giờ hết bởi nhu cầu quản lý doanh nghiệp có hiệu quả ngày càng tăng, sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống tài chính, sự phát triển của các tập đoàn kinh doanh và khả

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

năng sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin. Nghiên cứu phân tích tài chính là một khâu quan trọng trong quản lý doanh nghiệp. Phân tích tài chính doanh nghiệp mà trọng tâm là phân tích báo cáo tài chính và các chỉ tiêu tài chính đặc trưng thông qua hệ thống các phương pháp, công cụ và kỹ thuật giúp người ta sử dụng thông tin từ các góc độ khác nhau vừa đánh giá được toàn diện, tổng quát và khái quát lại, vừa xem xét lại một cách chi tiết hoạt động tài chính doanh nghiệp để nhận biết, dự báo và đưa ra quyết định tài chính, quyết định đầu tư phù hợp. Có rất nhiều người quan tâm và sử dụng thông tin kinh tế của công ty và mỗi người lại theo đuổi một mục tiêu khác nhau. Do nhu cầu về thông tin tài chính công ty rất đa dạng đòi hỏi phân tích phải được tiến hành bằng nhiều phương pháp khác nhau để từ đó đáp ứng nhu cầu của người quan tâm. Phân tích tài chính doanh nghiệp là mối quan tâm hàng đầu của nhiều đối tượng, trước hết là ban giám đốc, các nhà đầu tư, các chủ nợ, những người cho vay, các đối tác... đặc biệt là cơ quan chủ quản nhà nước và người lao động.

Việc phân tích tài chính sẽ giúp các nhà lãnh đạo cũng như bộ phận tài chính doanh nghiệp thấy được thực trạng tài chính cũng như hiệu quả của mỗi bộ phận chức năng trong hoạt động kinh doanh. Căn cứ và thông tin từ hoạt động phân tích tài chính cấp quản trị có thể đưa ra các quyết định kịp thời, đúng đắn trong mọi giai đoạn hoạt động kinh doanh và hoạt động quản lý, cụ thể:

- Tạo chu kỳ đánh giá đều đặn về hoạt động kinh doanh, tiến hành cân đối tài chính, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, trả nợ, rủi ro tài chính doanh nghiệp.
- Định hướng quyết định của ban giám đốc cũng như giám đốc tài chính về quyết định đầu tư, tài trợ, phân chia lợi tức cổ phần
- Là cơ sở cho các dự báo tài chính: kế hoạch đầu tư, ngân sách tiền mặt.
- Là công cụ để kiểm soát các hoạt động quản lý.

Còn đối với nhà đầu tư: nhà đầu tư biết tình hình thu nhập của chủ sở hữu lợi tức cổ phần và giá trị tăng thêm của vốn đầu tư. Họ quan tâm tới phân tích tài chính để biết

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Đó là căn cứ để họ bỏ vốn đầu tư vào doanh nghiệp hay không?

Đối với các Ngân hàng và các đối tác kinh doanh: phân tích tài chính giúp họ phân tích, đánh giá thực trạng kinh doanh của doanh nghiệp và tài chính của doanh nghiệp để họ quyết định phương hướng và quy mô đầu tư, khả năng hợp tác liên doanh liên kết, cho vay hay thu hồi vốn...

Đối với nhà nước: dựa vào báo cáo tài chính doanh nghiệp để phân tích, đánh giá kiểm tra hoạt động tài chính tiền tệ của doanh nghiệp có đúng với các chính sách chế độ pháp luật hay không? Tình hình hoạt động chi phí giá thành, tình hình hoạt động nghĩa vụ với nhà nước.

Đối với nhà cung ứng cho doanh nghiệp: họ phải quyết định xem có cho phép khách hàng sắp tới có được mua chịu hay không? Họ phải xem khả năng thanh toán của doanh nghiệp ở hiện tại và tương lai như thế nào?

Như vậy, phân tích tài chính là công cụ hữu ích được dùng để xác định giá trị kinh tế, để đánh giá mặt mạnh, yếu của một công ty. Từ đó tìm ra nguyên nhân khách quan, giúp cho từng đối tượng lựa chọn và đưa ra những quyết định phù hợp với mục đích mà họ quan tâm.

1.2.2.2. Mục tiêu phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp

Hoạt động tài chính trong các doanh nghiệp bao gồm những nội dung cơ bản sau: xác định nhu cầu về vốn của doanh nghiệp, tìm kiếm và huy động nguồn vốn đáp ứng tốt nhu cầu và sử dụng hợp lý, đạt hiệu quả cao nhất. Hoạt động tài chính đóng vai trò thể hiện ngay từ khi thành lập doanh nghiệp, trong việc thiết lập các dự án đầu tư ban đầu, dự kiến hoạt động, gọi là vốn đầu tư.

Để có thể tiến hành sản xuất kinh doanh, thì các doanh nghiệp cần phải có một lượng vốn nhất định, bao gồm: vốn cố định, vốn lưu động và các vốn chuyên dùng khác. Ngoài ra doanh nghiệp cần phải có những giải pháp hữu hiệu để tổ chức huy

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

động và sử dụng vốn sao cho có hiệu quả nhất trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc tài chính, tín dụng và chấp hành luật pháp. Việc tiến hành phân tích tài chính sẽ giúp cho các nhà quản lý doanh nghiệp và các cơ quan chủ quản cấp trên thấy rõ thực trạng của hoạt động tài chính, xác định đầy đủ và đúng đắn các nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình tài chính của doanh nghiệp. Từ đó, có những giải pháp hữu hiệu nhằm ổn định và nâng cao tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ở nước ta hiện nay, các doanh nghiệp đều có quyền bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh thì người ta chỉ quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp trên các khía cạnh khác nhau như: các nhà đầu tư, nhà cho vay, nhà cung cấp, khách hàng... nhưng vấn đề mà người ta quan tâm nhiều nhất vẫn là khả năng tạo ra các dòng tiền mặt, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán và mức lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp. Bởi vậy, trong phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thì cần phải đạt được các mục tiêu sau đây:

- Một là, phân tích tình hình tài chính phải cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực hệ thống những thông tin hữu ích, cần thiết phục vụ cho chủ kinh doanh và các đối tượng quan tâm khác như: các nhà đầu tư, hội đồng quản trị doanh nghiệp, người cho vay, các cơ quan quản lý cấp trên và những người sử dụng thông tin tài chính khác, giúp họ có quyết định đúng đắn khi ra quyết định đầu tư, quyết định cho vay.
- Phân tích tình hình tài chính phải cung cấp đầy đủ những thông tin quan trọng nhất cho các chủ doanh nghiệp, các nhà đầu tư, nhà cho vay và những người sử dụng thông tin tài chính khác trong việc đánh giá khả năng và tính chắc chắn của các dòng tiền vào, ra và tình hình sử dụng vốn kinh doanh, tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

- Ba là, phân tích tình hình tài chính phải cung cấp đầy đủ những thông tin về nguồn vốn chủ sở hữu, các khoản nợ, kết quả của quá trình, sự kiện, các tình huống làm biến đổi các nguồn vốn và các khoản nợ của doanh nghiệp.

1.2.2.3. Nhiệm vụ phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp

Nhiệm vụ của phân tích các báo cáo tài chính ở doanh nghiệp là căn cứ trên những nguyên tắc về tài chính doanh nghiệp để phân tích đánh giá tình hình thực trạng và triển vọng của hoạt động tài chính, chỉ ra được những mặt tích cực và hạn chế của việc thu chi tiền tệ, xác định nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố. Trên cơ sở đó đề ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để đạt được các mục tiêu chủ yếu đó, nhiệm vụ cơ bản của phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp là:

- Phân tích khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp
- Phân tích diễn biến sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản
- Phân tích tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp
- Phân tích tình hình dự trữ TSLĐ
- Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp
- Phân tích các chỉ số hoạt động
- Phân tích các hệ số sinh lời

1.2.3. Các phương pháp sử dụng trong phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp

1.2.3.1. Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh là kỹ thuật phân tích bằng cách so sánh các tỷ số tài chính đã tính toán kỳ này với các tỷ số đã tính toán kỳ trước để thấy rõ xu hướng thay đổi về tài chính của doanh nghiệp để thấy rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp tốt hay xấu đi nhằm tìm ra hướng giải quyết khắc phục

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Phương pháp so sánh là phương pháp được sử dụng phổ biến trong phân tích hoạt động kinh doanh. Có ba nguyên tắc cơ bản khi sử dụng phương pháp này, đó là:

➤ Lựa chọn tiêu chuẩn để so sánh

Tiêu chuẩn để so sánh là chỉ tiêu của một kỳ được lựa chọn là căn cứ để so sánh, tiêu chuẩn đó có thể là:

Tài liệu của năm trước (kỳ trước), nhằm đánh giá xu hướng phát triển của các chỉ tiêu. Các mục tiêu đã dự kiến (kế hoạch, dự toán, định mức), nhằm đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch, dự toán, định mức.

Các chỉ tiêu của kỳ được so sánh với kỳ gốc được gọi là chỉ tiêu kỳ thực hiện và là kết quả mà doanh nghiệp đã đạt được.

➤ Điều kiện so sánh được

Để phép so sánh có ý nghĩa thì điều kiện quyết định là các chỉ tiêu được sử dụng phải đồng nhất. Trong thực tế, thường điều kiện có thể so sánh được giữa các chỉ tiêu kinh tế cần quan tâm hơn cả là thời gian và không gian.

- Về mặt thời gian: là các chỉ tiêu được tính trong cùng một khoảng thời gian hạch toán phải thống nhất trên ba mặt sau:

- Phải cùng phản ánh một nội dung kinh tế
- Phải cùng một phương pháp phân tích
- Phải cùng một đơn vị đo lường

- Về mặt không gian: các chỉ tiêu cần phải được quy đổi về cùng quy mô và điều kiện kinh doanh tương tự nhau

Tuy nhiên, thực tế ít có các chỉ tiêu đồng nhất được với nhau. Để đảm bảo tính thống nhất người ta cần phải quan tâm tới phương diện được xem xét mức độ đồng nhất có thể chấp nhận được, độ chính xác cần phải có, thời gian phân tích được cho phép.

➤ Kỹ thuật so sánh

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Các kỹ thuật so sánh cơ bản là:

- So sánh bằng số tuyệt đối: là hiệu số giữa trị số của kỳ phân tích so với kỳ gốc của các chỉ tiêu kinh tế, kết quả so sánh biểu hiện khối lượng quy mô tăng giảm của các hiện tượng kinh tế.
- So sánh bằng số tương đối: là thương số giữa trị số của kỳ phân tích so với kỳ gốc của các chỉ tiêu kinh tế, kết quả so sánh biểu hiện kết cấu, mối quan hệ, tốc độ phát triển, mức phổ biến của các hiện tượng kinh tế.
- So sánh bằng số bình quân: số bình quân là dạng đặc biệt của số tuyệt đối, biểu hiện tính chất đặc trưng chung về mặt số lượng, nhằm phản ánh đặc điểm chung của một đơn vị, một bộ phận hay một tổng thể chung, có cùng một tính chất.

Tùy theo mục đích, yêu cầu của phân tích, tính chất và nội dung phân tích của các chỉ tiêu kinh tế mà người ta sử dụng kỹ thuật so sánh thích hợp

Quá trình phân tích theo kỹ thuật của phương pháp so sánh có thể thực hiện theo ba hình thức:

- * So sánh theo chiều dọc: là quá trình so sánh nhằm xác định tỷ lệ quan hệ tương quan giữa các chỉ tiêu từng kỳ của các báo cáo kế toán- tài chính, nó còn gọi là phân tích theo chiều dọc (cùng cột của báo cáo)
- * So sánh theo chiều ngang: là quá trình so sánh nhằm xác định tỷ lệ và chiều hướng biến động các kỳ trên báo cáo kế toán tài chính, nó còn gọi là phân tích theo chiều ngang (cùng hàng trên báo cáo)
- * So sánh xác định xu hướng và tính liên hệ của các chỉ tiêu: các chỉ tiêu riêng biệt hay các chỉ tiêu tổng cộng trên báo cáo được xem trên mối quan hệ với các chỉ tiêu phản ánh quy mô chung và chúng có thể được xem xét nhiều kỳ (từ 3 năm đến 5 năm hoặc lâu hơn) để cho ta thấy rõ xu hướng phát triển của các hiện tượng nghiên cứu.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Các hình thức sử dụng kỹ thuật so sánh trên thường được phân tích trong các báo cáo tài chính- kế toán, nhất là bản báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán và bảng lưu chuyển tiền tệ là các báo cáo tài chính định kỳ của doanh nghiệp.

1.2.3.2. Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp phân tích tỷ số là công cụ phân tích tài chính phổ thông nhất. Tất nhiên chỉ có thể so sánh các số liệu có liên quan thì mới thu được các tỷ số có ý nghĩa. Chọn đúng các tỷ số và tiến hành phân tích thì thông qua đó ta có thể đánh giá tình hình tài chính trong doanh nghiệp. Việc áp dụng công nghệ tin học cho phép tích lũy dữ liệu và đẩy nhanh quá trình tính toán. Phương pháp phân tích này giúp cho việc khai thác, sử dụng các số liệu được hiệu quả hơn thông qua việc phân tích một cách có hệ thống hàng loạt các tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục hoặc gián đoạn.

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ và đại cương tài chính trong các quan hệ tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp này đòi hỏi phải xác định được các ngưỡng, các định mức để từ đó nhận xét và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu và tỷ lệ tài chính của doanh nghiệp với các tỷ lệ tham chiếu.

Trong phân tích tài chính doanh nghiệp, các tỷ lệ tài chính được phân thành các nhóm đặc trưng phản ánh những nội dung cơ bản theo mục tiêu phân tích của doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung có bốn nhóm chỉ tiêu cơ bản sau:

- Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán
- Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn và tình hình đầu tư
- Nhóm chỉ tiêu về hoạt động
- Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời

Bên cạnh đó các nhà phân tích còn sử dụng phương pháp phân tích tài chính Dupont. Với phương pháp này các nhà phân tích tài chính sẽ thấy được các nguyên nhân dẫn tới hiện tượng tốt hay xấu trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Bản chất của phương pháp này là tách một tỷ số tổng hợp, phản ánh sức sinh lợi của doanh nghiệp như thu nhập trên tài sản (ROA). Thu nhập sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) thành tích số chuỗi các tỷ số có mối quan hệ nhân quả với nhau. Điều đó cho phép phân tích ảnh hưởng của các tỷ số đối với tỷ số tổng hợp.

1.2.4. Tài liệu phục vụ cho phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp

Trong quá trình phân tích tài chính, nhà phân tích sử dụng rất nhiều các dữ liệu, các nguồn thông tin khác nhau, từ thông tin nội bộ tới thông tin bên ngoài... làm cơ sở để phân tích tài chính

Sử dụng đúng, đầy đủ tài liệu trong quá trình phân tích tài chính không chỉ cho phép chủ doanh nghiệp đưa ra được những đánh giá đúng đắn về tình hình tài chính của mình mà còn giúp cho chủ doanh nghiệp đưa ra được những quyết định sáng suốt cho sự phát triển cho doanh nghiệp trong tương lai. Khi tiến hành phân tích tài chính doanh nghiệp, người ta chủ yếu sử dụng báo cáo tài chính làm tài liệu phân tích.

Báo cáo tài chính là những báo cáo tổng hợp nhất, phản ánh về tình hình tài sản, công nợ, vốn cũng như tình hình tài chính của doanh nghiệp và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kì nhất định.

Theo quy định của bộ tài chính các công ty ở Việt Nam phải thường xuyên lập và báo cáo các loại báo cáo tài chính sau đây:

✓ Bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có nguồn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định theo 2 cách phân loại là kết vốn kinh doanh và nguồn hình thành vốn kinh doanh.

Số liệu bảng cân đối kế toán cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo theo cơ cấu tài sản và nguồn hình thành tài sản. Căn cứ vào bảng cân đối kế toán có thể nhận xét đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

- ✓ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp tổng quát tình hình và hiệu quả hoạt động kinh doanh chính và hoạt động khác, tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước về thuế.
- ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiêu trong kỳ của doanh nghiệp theo các hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Dựa vào báo cáo lưu chuyển tiền tệ thanh toán có thể đánh giá khả năng tạo ra tiền, sự biến động tài sản thuần, khả năng thanh toán và dự đoán được bằng biến trong kỳ tiếp theo của doanh nghiệp.
- ✓ Thuyết minh các báo cáo tài chính là một bộ phận lập thành hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp, được lập để giải thích bổ sung thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo mà báo cáo tài chính không thể trình bày rõ ràng và chi tiết được.

1.2.5. Nội dung phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp

1.2.5.1. Phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp

Phân tích khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp sẽ cung cấp một cách tổng quát nhất tình hình trong kỳ kinh doanh là khả quan hay không khả quan. Kết quả phân tích này sẽ cho phép các nhà quản lý, chủ doanh nghiệp thấy rõ thực chất của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và dự đoán được khả năng phát triển hay có chiều hướng suy thoái của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, có những biện pháp hữu hiệu cho công tác tăng cường quản lý doanh nghiệp. Nội dung phân tích khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

1.2.5.1.1. Phân tích bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là một bảng báo cáo tổng hợp. Nó mô tả tình hình tài chính của một doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định, được lập trên những thứ mà doanh nghiệp có (tài sản) và những thứ mà doanh nghiệp nợ (nguồn vốn), dựa trên nguyên

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

tắc cân đối tài sản bằng nguồn vốn. Đây là một báo cáo đặc biệt quan trọng đối với người sở hữu và cũng như người có sở hữu kinh doanh.

Bảng cân đối kế toán gồm 2 phần: phần tài sản và phần nguồn vốn. Phần tài sản phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo theo cơ cấu tài sản và hình thức tồn tại trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Phần nguồn vốn phản ánh nguồn hình thành tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo. Các chỉ tiêu trong phần nguồn vốn thể hiện trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp đối với tài sản đang quản lý và sử dụng ở doanh nghiệp. Căn cứ vào bảng cân đối kế toán có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó có thể phân tích tình hình sử dụng vốn, khả năng huy động vốn vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tóm lại khi nhìn vào bảng cân đối kế toán mà nhà phân tích có thể nhận biết loại hình doanh nghiệp, quy mô tự chủ về tài chính doanh nghiệp.

Bảng cân đối kế toán là tài liệu quan trọng bậc nhất giúp cho nhà phân tích đánh giá được khả năng cân bằng tài chính, khả năng thanh toán và khả năng cân đối vốn của doanh nghiệp.

Việc phân tích bảng cân đối kế toán là rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá tổng quát tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kỳ kinh doanh nên khi tiến hành cần đạt được những yêu cầu sau:

- Phân tích cơ cấu tài sản và nguồn vốn trong doanh nghiệp, xem xét việc bố trí tài sản và nguồn vốn trong kỳ kinh doanh xem đã phù hợp chưa.
- Phân tích đánh giá sự biến động của tài sản và nguồn vốn giữa số liệu năm nay và số liệu năm trước.

Bảng 1.1. Bảng phân tích cơ cấu tài sản

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chỉ tiêu	Giá trị		Tỷ trọng	
	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010
A.TSLĐ và ĐTNH				
I. Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn				
II. Các khoản phải thu				
III. Hàng tồn kho				
IV. Tài sản lưu động khác				
B. TSCĐ và ĐTDH				
I. TSCĐ				
II. Đầu tư tài chính dài hạn				
III. Chi phí XDCBDD				
IV. Tài sản dài hạn khác				
Tổng tài sản				

Đối với nguồn hình thành tài sản, cần xem xét tỷ trọng từng loại nguồn vốn chiếm trong tổng số nguồn vốn cũng như xu hướng biến động của chúng. Nếu NVCSH chiếm tỷ trọng cao trong tổng số nguồn vốn thì doanh nghiệp có đủ khả năng tự đảm bảo về mặt tài chính và mức độ độc lập của doanh nghiệp đối với các chủ nợ là cao. Ngược lại, nếu công nợ phải trả chiếm chủ yếu trong tổng số nguồn vốn thì khả năng bảo đảm về mặt tài chính của doanh nghiệp sẽ thấp.

Bảng 1.2. Bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	Giá trị		Tỷ trọng	
	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

A. Nợ phải trả				
I. Nợ ngắn hạn				
II. Nợ dài hạn				
B. Vốn chủ sở hữu				
I. Nguồn vốn chủ sở hữu				
II. Nguồn kinh phí				
Tổng tài sản				

* Để xem xét tài sản và nguồn vốn trong doanh nghiệp đã cân đối chưa, hợp lý tiến hành lập bảng sau:

Bảng 1.3. Bảng cân đối tài sản và nguồn vốn

Tài sản	Nguồn vốn
Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	Nợ ngắn hạn
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	Nợ dài hạn
	Nguồn vốn chủ sở hữu

- Cân đối giữa tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn với nợ ngắn hạn

Nếu tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn lớn hơn nợ ngắn hạn: nợ ngắn hạn không đủ đầu tư cho tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn. Phải huy động thêm nguồn vốn thường xuyên (Nợ ngắn hạn và nguồn vốn chủ sở hữu). Điều này đảm bảo sự ổn định, an toàn về mặt tài chính, toàn bộ nợ ngắn hạn đầu tư cho tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn. Mặt khác nó còn thể hiện doanh nghiệp có khả năng đáp ứng nhu cầu hoàn trả khoản nợ ngắn hạn.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Nếu tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn nhỏ hơn nợ ngắn hạn: thì một phần nợ ngắn hạn đã được đầu tư vào tài sản cố định.

- Cân đối giữa tài sản cố định và đầu tư dài hạn với nguồn vốn thường xuyên (Nợ dài hạn và nguồn vốn chủ sở hữu).

Nếu tài sản cố định và đầu tư dài hạn lớn hơn nguồn vốn thường xuyên thì một phần tài sản cố định và đầu tư dài hạn được đầu tư bởi nguồn ngắn hạn.

Nếu tài sản cố định và đầu tư dài hạn nhỏ hơn vốn thường xuyên: Nợ dài hạn và một phần nguồn vốn chủ sở hữu đã được đầu tư cho tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn. Điều này đảm bảo về mặt tài chính nhưng không đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh của doanh nghiệp, gây ra lãng phí trong kinh doanh vì phải trả chi phí cao hơn so với khi sử dụng vốn ngắn hạn.

1.2.5.1.2. Phân tích bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Một thông tin không kém phần quan trọng được sử dụng trong phân tích tài chính đó là thông tin phản ánh trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Bảng báo cáo kết quả kinh doanh là một báo cáo tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một liên độ kế toán.

Báo cáo kết quả kinh doanh nhằm mục tiêu phản ánh tóm lược các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cho một thời kỳ nhất định. Ngoài ra, báo cáo kết quả kinh doanh còn kết hợp phản ánh tình hình thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp với ngân sách nhà nước về thuế và các khoản khác.

Kết cấu nội dung của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày gồm ba phần chính: báo cáo lỗ, tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, được hoàn lại hoặc được miễn giảm.

Những số liệu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cung cấp những thông tin tổng hợp nhất về phương thức kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ và chỉ ra rằng hoạt động kinh doanh đó có đem lại hiệu quả hay không? Đồng thời nó còn phản ánh

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

tình hình và trình độ khả năng sử dụng vốn, lao động kỹ thuật và kinh nghiệm kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc phân tích báo cáo kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp là một việc rất quan trọng vì qua đó có thể đánh giá việc kinh doanh của doanh nghiệp đó có mang lại hiệu quả hay không?

Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh có thể phân tích 2 nội dung cơ bản sau:

Một là, phân tích kết quả các hoạt động

Lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp cần được phân tích và đánh giá khái quát giữa doanh thu, chi phí và kết quả của từng loại hoạt động. Từ đó có nhận xét về tình hình doanh thu của từng loại hoạt động trong tổng số các hoạt động của toàn doanh nghiệp.

Bảng 1.4. Phân tích, đánh giá về kết cấu chi phí, doanh thu, lợi nhuận

Chỉ tiêu	Doanh thu		Chi phí		Lợi nhuận	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
Hoạt động sản xuất kinh doanh						
Các hoạt động khác						
Tổng số						

Hai là phân tích kết quả sản xuất kinh doanh chính

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ hạch toán của doanh nghiệp là cơ sở chủ yếu để đánh giá, phân tích hiệu quả các mặt, các lĩnh vực hoạt động, phân tích nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân cơ bản đến kết quả chung của doanh nghiệp.

Bảng 1.5. Bảng phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Cuối năm so với đầu năm	
			Số tiền	%
Tổng doanh thu				
Các khoản giảm trừ DT				
Doanh thu thuần				
Giá vốn hàng bán				
Lợi nhuận gộp				
Chi phí bán hàng				
Chi phí quản lý doanh nghiệp				
Lợi nhuận từ HĐKD				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Lợi nhuận sau thuế từ HĐKD				

1.2.5.2. Phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn

Vốn là một điều không thể thiếu của một doanh nghiệp để thành lập và tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh vì vậy phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn là một điều rất quan trọng trong phân tích tài chính doanh nghiệp.

Phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn là một trong những cơ sở và công cụ của các nhà quản trị tài chính để hoạch định tài chính cho kỳ tới, bởi lẽ mục đích chính của nó là trả lời cho câu hỏi: vốn xuất phát từ đâu và được sử dụng vào việc gì? Thông tin mà bảng kê diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn cho biết doanh nghiệp đang tiến triển hay gặp khó khăn. Thông tin này còn rất hữu ích đối với người cho vay, nhà đầu tư... họ muốn biết doanh nghiệp đã là gì với số vốn của họ.

1.2.5.3. Phân tích các chỉ tiêu tài chính

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Phân tích các chỉ tiêu tài chính liên quan tới việc xác định và sử dụng các chỉ số tài chính để đo lường và đánh giá tình hình và hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Có nhiều loại tỷ số tài chính khác nhau nhưng nhìn chung có thể phân chia các tỷ số tài chính gồm 4 loại chính sau đây:

- Chỉ số về khả năng thanh toán
- Các hệ số về cơ cấu nguồn vốn và tình hình đầu tư
- Các chỉ số hoạt động
- Chỉ số sinh lời

1.2.5.3.1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán chính là tỷ số giữa các khả năng thanh toán (tổng tài sản) và nhu cầu thanh toán (Nợ phải trả). Đây là chỉ tiêu nhiều người quan tâm như các nhà đầu tư, người cho vay, nhà cung cấp ăng hóa, nguyên vật liệu... Họ luôn đặt ra câu hỏi *liệu doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ tới hạn không?*

❖ Tỷ số khoản phải thu và phải trả

Bất cứ một doanh nghiệp nào cũng có khoản vốn bị khách hàng chiếm dụng vốn và lại phải đi chiếm dụng vốn của các doanh nghiệp khác. So sánh phần đi chiếm dụng và phần bị chiếm dụng sẽ cho biết thêm về tình hình công nợ của doanh nghiệp

$$\frac{\text{Tỷ số khoản phải thu so với}}{\text{khoản phải trả}} = \frac{\text{Các khoản phải thu}}{\text{Các khoản phải trả}}$$

Nếu tỷ số mà lớn hơn 1 thì có nghĩa doanh nghiệp đã bị chiếm dụng vốn và ngược lại doanh nghiệp đi chiếm dụng vốn của các đơn vị khác.

Chiếm dụng và đi chiếm dụng trong kinh doanh là chuyện bình thường. Nhưng ta phải xem xét trong trường hợp nào là hợp lý, khoản nào là phù hợp. Để có giải pháp hợp lý tích cực nhằm quản lý tốt công nợ.

❖ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (H_{tq})

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chỉ tiêu này phản ánh năng lực thanh toán tổng thể của doanh nghiệp trong kỳ kinh doanh, cho biết một đồng cho vay thì có mấy đồng đảm bảo.

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$$

Nếu $H_{tq} > 1$: khả năng thanh toán của doanh nghiệp là tốt. Song nếu $H_{tq} > 1$ quá nhiều cũng không tốt vì điều đó chứng tỏ doanh nghiệp chưa tận dụng hết cơ hội chiếm dụng vốn.

Nếu $H_{tq} < 1$: báo hiệu sự phá sản của doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu bị mất toàn bộ, tổng tài sản hiện có (TSCĐ+TSLĐ) không đủ trả số nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán.

❖ Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (H_{ht})

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời là mối quan hệ giữa tài sản ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán hiện thời thể hiện mức độ đảm bảo của TSLĐ với nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn là các khoản nợ phải thanh toán trong kỳ, do đó doanh nghiệp phải dùng tài sản thực có của mình để thanh toán bằng cách chuyển đổi thành tiền, trong thời gian 1 năm. Do đó, hệ số khả năng thanh toán hiện thời được xác định theo công thức:

$$\text{Hệ số thanh toán hiện thời} = \frac{\text{TSCĐ và đầu tư ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Nếu $H_{ht} = 2$: là hợp lý nhất vì nếu như thế thì doanh nghiệp sẽ duy trì được khả năng thanh toán nợ ngắn hạn đồng thời cũng duy trì được khả năng kinh doanh.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Nếu $H_{ht} > 2$: thể hiện khả năng thanh toán hiện thời của doanh nghiệp dư thừa. Nhưng nếu $H_{ht} > 2$ quá nhiều thì hiệu quả kinh doanh sẽ kém đi vì đó là hiện tượng ứ đọng vốn lưu động.

Nếu $H_{ht} < 2$: thể hiện khả năng thanh toán hiện thời của doanh nghiệp còn thấp, và nếu $H_{ht} < 2$ quá nhiều thì doanh nghiệp vừa không thanh toán được nợ ngắn hạn, mất uy tín với chủ nợ, lại vừa không có tài sản dự trữ cho kinh doanh.

Biện pháp tốt nhất là phải duy trì tỷ suất này theo tiêu chuẩn của ngành. Ngành nghề nào mà tài sản lưu động chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số tài sản thì hệ số này lớn và ngược lại.

❖ Hệ số khả năng thanh toán nhanh (H_n)

Hệ số thanh toán nhanh thể hiện quan hệ giữa các loại tài sản lưu động có khả năng chuyển nhanh thành tiền để thanh toán các khoản nợ cần chi trả nhanh trong cùng thời điểm. Hàng tồn kho là tài sản khó chuyển hoá thành tiền nên hàng tồn kho được xếp vào loại tài sản lưu động có khả năng chuyển nhanh thành tiền.

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{TSLĐ và đầu tư ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

$H_n = 1$ là hợp lý nhất bởi vì như vậy nghĩa là doanh nghiệp vừa duy trì được khả năng thanh toán nhanh, vừa không mất đi những cơ hội do khả năng thanh toán nợ nhanh mang lại.

Nếu $H_n < 1$: tình hình thanh toán công nợ của doanh nghiệp có thể gặp khó khăn.

Nếu $H_n > 1$: phản ánh tình hình thanh toán không tốt vì tài sản tương đương tiền nhiều, vòng quay vốn chậm làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.

❖ Hệ số thanh toán lãi vay

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Lãi vay phải trả là một khoản chi phí cố định, nguồn trả lãi vay là lợi nhuận gộp sau khi trừ đi chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng. So sánh giữa nguồn để trả lãi vay với lãi vay phải trả sẽ cho chúng ta biết doanh nghiệp sẽ sẵn sàng trả lãi vay tới mức độ nào.

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Lãi vay phải trả trong kỳ}}$$

1.2.5.3.2. Các hệ số về cơ cấu nguồn vốn và tình hình đầu tư

Các doanh nghiệp luôn thay đổi tỷ trọng các loại vốn theo xu hướng hợp lý (kết cấu tối ưu). Nhưng kết cấu lại luôn bị phá vỡ do tình hình đầu tư. Vì vậy nghiên cứu cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu tài sản, tỷ suất tự tài trợ sẽ cung cấp cho các nhà nghiên cứu một cái nhìn tổng quát về sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp.

❖ Hệ số nợ

Chỉ tiêu tài chính này phản ánh một đồng vốn hiện nay doanh nghiệp đang sử dụng có mấy đồng vốn đi vay.

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100$$

Hệ số nợ càng cao chứng tỏ khả năng độc lập của doanh nghiệp về mặt tài chính càng kém.

❖ Tỷ suất tự tài trợ

Tỷ suất tự tài trợ là một chỉ tiêu tài chính đo lường sự góp vốn chủ sở hữu trong tổng số vốn hiện có của doanh nghiệp.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

$$\text{Tỷ suất tự tài trợ} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100$$

Tỷ suất tự tài trợ cho thấy mức độ tự tài trợ của doanh nghiệp đối với nguồn vốn kinh doanh riêng có của mình. Tỷ suất tự tài trợ càng lớn càng chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều vốn tự có, có tính độc lập cao so với các chủ nợ. Do đó không bị ràng buộc hoặc chịu sức ép của các khoản nợ vay.

❖ Tỷ suất đầu tư

Tỷ suất đầu tư là tỷ lệ giữa tài sản cố định (giá trị còn lại) với tổng tài sản của doanh nghiệp. Công thức của tỷ suất đầu tư được xác định như sau:

$$\text{Tỷ suất đầu tư} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ và ĐTDH}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

Tỷ suất càng lớn, càng thể hiện mức độ quan trọng của tài sản cố định trong tổng tài sản của doanh nghiệp, phản ánh tình hình trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất và xu hướng phát triển lâu dài cũng như khả năng cạnh tranh trên thị trường của doanh nghiệp. Tuy nhiên, để kết luận tỷ suất này là tốt hay xấu còn tùy thuộc và ngành kinh doanh của từng doanh nghiệp trong một thời gian cụ thể.

❖ Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ

Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ cho thấy vốn tự có của doanh nghiệp dùng để trang bị TSCĐ là bao nhiêu, phản ánh mối quan hệ giữa nguồn vốn chủ sở hữu với giá trị TSCĐ và ĐTDH.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

$$\text{Tỷ suất tự tài trợ TSC} = \frac{\text{VCSH}}{\text{TSCĐ và ĐTDH}} \times 100$$

Nếu tỷ suất này mà lớn hơn 1 chứng tỏ khả năng tài chính vững vàng và lành mạnh. Ngược lại, nếu tỷ suất này nhỏ hơn 1 thì có nghĩa là một bộ phận của tài sản cố định được tài trợ bằng vốn vay và đặc biệt mạo hiểm là vốn vay ngắn hạn.

1.2.5.3.3. Các chỉ số hoạt động

Các chỉ số này dùng để đo lường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của một doanh nghiệp bằng cách so sánh doanh thu với việc bỏ vốn vào kinh doanh dưới các loại tài sản khác nhau.

❖ Số vòng quay hàng tồn kho:

Số vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ.

$$\text{Số vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

Số vòng quay hàng tồn kho càng cao thì thời gian luân chuyển một vòng càng ngắn có nhiều khả năng giải phóng hàng tồn kho, giảm tình trạng ứ đọng vốn và tăng khả năng thanh toán.

❖ Vòng quay các khoản phải thu

Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp nhanh hay chậm và được xác định như sau:

$$\text{Doanh thu tiêu thụ sản phẩm}$$

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

$$\frac{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}{\text{phải thu}} = \frac{\text{Các khoản phải thu bình quân}}{\text{phải thu}}$$

Số vòng quay lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu nhanh, đó là dấu hiệu tốt vì doanh nghiệp không phải đầu tư nhiều và các khoản phải thu hay doanh nghiệp ít bị chiếm dụng vốn. Tuy nhiên, số vòng luân chuyển các khoản phải thu nếu quá cao sẽ không tốt vì có thể ảnh hưởng đến khối lượng hàng tiêu dùng do phương thức thanh toán quá chặt chẽ.

Kỳ thu tiền bình quân phản ánh số ngày cần thiết để thu hồi được các khoản phải thu. Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì kỳ thu tiền trung bình càng nhỏ và ngược lại.

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$

❖ Vòng quay vốn lưu động

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn lưu động vận động không ngừng, thường xuyên qua các giai đoạn của quá trình sản xuất. Đẩy nhanh tốc độ luân chuyển của vốn lưu động sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Để xác định tốc độ luân chuyển của vốn lưu động, người ta thường sử dụng công thức sau:

$$\frac{\text{Vòng quay của vốn lưu động}}{\text{lưu động}} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn lưu động bình quân tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì tạo được mấy đồng doanh thu thuần. Chỉ tiêu này càng lớn chứng

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

tổ hiệu quả sử dụng vốn lưu động càng cao. Muốn làm được như vậy cần phải rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh tốc độ tiêu thụ hàng hóa,...

Số ngày một vòng quay vốn lưu động

Số ngày một vòng quay vốn lưu động phản ánh trung bình một vòng quay vốn lưu động hết bao nhiêu ngày. Công thức xác định như sau:

$$\begin{array}{lcl} \text{Số ngày một vòng quay} & 360 \text{ ngày} & \\ \text{vốn lưu động} & = & \frac{\text{Số vòng quay vốn lưu động}}{\text{Số ngày một vòng quay vốn lưu động}} \end{array}$$

❖ Hiệu quả sử dụng vốn cố định

$$\begin{array}{lcl} \text{Hiệu quả sử dụng vốn} & \text{Doanh thu thuần} & \\ \text{cố định} & = & \frac{\text{Vốn cố định bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}} \end{array}$$

Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn cố định tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu thuần. Hiệu suất càng cao chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng vốn cố định có hiệu quả.

❖ Vòng quay toàn bộ vốn

Vòng quay toàn bộ vốn phản ánh vốn của doanh nghiệp trong một kỳ quay được bao nhiêu vòng. Qua chỉ tiêu này có thể đánh giá được khả năng sử dụng tài sản của doanh nghiệp thể hiện qua doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản doanh nghiệp đầu tư. Vòng quay càng lớn hiệu quả sử dụng vốn càng cao

$$\begin{array}{lcl} \text{Vòng quay toàn bộ vốn} & \text{Doanh thu thuần} & \\ & = & \frac{\text{Vốn sản xuất bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}} \end{array}$$

1.2.5.3.4. Chỉ tiêu sinh lời

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Các tỷ số sinh lời rất được các nhà quản trị tài chính quan tâm bởi vì chúng là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ nhất định. Hơn thế các chỉ số này còn là cơ sở quan trọng để các nhà hoạch định đưa ra các quyết định tài chính trong tương lai.

❖ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

Tỷ suất này thể hiện một đồng doanh thu mà doanh nghiệp thu được trong kỳ có mấy đồng lợi nhuận.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận trước} \\ \text{thuế trên doanh thu} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận sau} \\ \text{thuế trên doanh thu} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

❖ Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn

Tỷ suất này là chỉ tiêu đo lường mức độ sinh lời của đồng vốn. Nó phản ánh một đồng vốn bình quân được sử dụng trong kỳ tạo ra mấy đồng lợi nhuận.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận trước} \\ \text{thuế vốn kinh doanh} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận sau} \\ \text{thuế vốn kinh doanh} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận tổng vốn còn được đánh giá thông qua chỉ tiêu vòng quay vốn và chỉ tiêu lợi nhuận doanh thu

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế vốn kinh doanh} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}} \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

❖ Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu

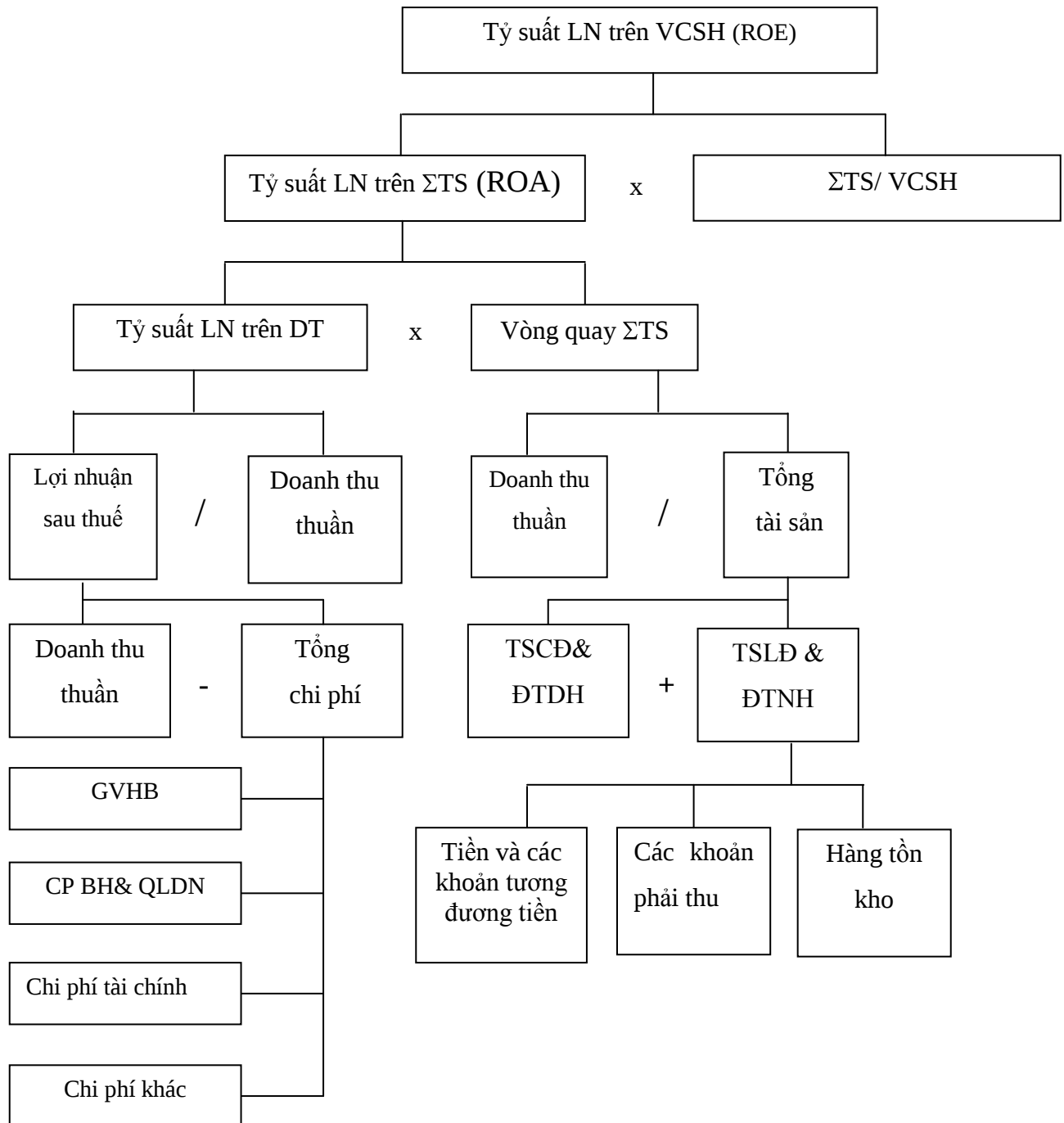
Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là tạo ra lợi nhuận ròng cho các chủ nhân của doanh nghiệp đó. Tỷ suất doanh lợi là chỉ tiêu để đánh giá mục tiêu đó và cho biết một đồng vốn chủ sở hữu bình quân tham gia vào kinh doanh tạo ra mấy đồng lợi nhuận thuần.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

PHƯƠNG TRÌNH DUPONT

Khi sử dụng phương pháp phân tích tài chính DUPONT nhằm đánh giá tác động tương hỗ giữa các tỷ số tài chính, nhà phân tích có thể thực hiện việc tách ROE (thu nhập vốn chủ/ vốn chủ sở hữu) bằng sơ đồ sau:

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi



Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

➤ Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố

- Mức độ ảnh hưởng của doanh thu thuần (D)

$$\Delta(D) = (D_1 - D_0) \times V_0 \times \frac{1}{1 - N_0}$$

Sự thay đổi của doanh thu thuần đã làm ROE tăng hay giảm. Nếu tăng lên là tốt, nếu giảm xuống cần có biện pháp khắc phục

Mức độ ảnh hưởng của vòng quay tổng tài sản (V)

$$\Delta(V) = D_1 \times (V_1 - V_0) \times \frac{1}{1 - N_0}$$

Sự thay đổi của vòng quay tổng tài sản đã làm cho ROE tăng hay giảm. Nếu tăng thì tốt, nếu giảm thì cần có biện pháp khắc phục.

- Sự ảnh hưởng của hệ số nợ (N)

$$\Delta(N) = D_1 \times V_1 \times \left(\frac{1}{1 - N_1} - \frac{1}{1 - N_0} \right)$$

Sự thay đổi của hệ số nợ làm ROE tăng lên hay giảm xuống. nếu tăng lên là tốt, nếu giảm xuống cần có biện pháp khắc phục.

- Tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng

$$\Sigma \Delta = \Delta(D) + \Delta(V) + \Delta(N)$$

Tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng cho ta kết quả giá trị chênh lệch ROE giữa 2 năm, đồng thời cho thấy mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến nó để có biện pháp nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho chủ sở hữu.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác phân tích tài chính DN

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

- Mục đích phân tích: có nhiều người quan tâm đến những khía cạnh khác nhau của doanh nghiệp, do đó họ cũng chỉ quan tâm đến những thông tin khác nhau về doanh nghiệp. Vì vậy, phân tích cũng có thể cho những kết quả khác nhau do yêu cầu thông tin khác nhau.
- Phương pháp phân tích: có nhiều phương pháp khác nhau để sử dụng trong phân tích tài chính doanh nghiệp, mỗi phương pháp có những ưu nhược điểm khác nhau, tùy theo yêu cầu, mục đích, thời gian...khác nhau của việc phân tích mà người ta sử dụng phương pháp phân tích phù hợp.
- Con người (trình độ, đạo đức...): mức độ chính xác, chất lượng của những thông tin, kết quả của quá trình phân tích phần lớn ở trình độ của người phân tích. Người có trình độ càng cao thì mức độ chính xác và đầy đủ càng cao. Bên cạnh trình độ thì cũng cần phải nhìn mạnh đến nhân tố đạo đức người phân tích: người có lương tâm, đạo đức thì kết quả phân tích chắc chắn hơn hẳn người không có lương tâm, đạo đức...
- Thời gian phân tích: có những khoản không phản ánh kịp thời tại thời điểm phân tích và ở mỗi thời điểm khác nhau thì mức độ tác động đó là khác nhau. Độ dài thời gian phân tích khác nhau cũng có thể cho kết quả khác nhau: thường thời gian càng dài thì thông tin tổng hợp càng đầy đủ, kết quả chính xác cao.
- Các thông tin khác: phân tích tài chính doanh nghiệp không phải lúc nào cũng chỉ dựa trên các con số mà còn phải dựa vào các thông tin khác bên ngoài, để từ đó tổng hợp các thông tin phục vụ cho phân tích sẽ cho kết quả chính xác và đầy đủ.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VẠN LỢI

2.1. Giới thiệu chung về Công ty CP thép Vạn Lợi

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP thép Vạn Lợi.

- Tên công ty: Công ty Cổ Phần Thép Vạn Lợi
- Tên giao dịch: VANLOI STEEL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: VANLOI STEEL CO.,JSC
- Địa chỉ: Song Mai – An Hồng – An Dương – Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0313.850.830
- Fax : 0313.971.801
- Mã số thuế:
- Vốn điều lệ: 500 tỷ đồng.
- Cổ đông sáng lập:
 - Công ty TNHH Vạn Lợi góp 300.000.000.000 VNĐ.
 - Công ty TNHH thép Nam Đô góp 100.000.000.000 VNĐ.
 - Ông Nguyễn Trung Thành góp 500.000.000 VNĐ
 - Còn lại 99.500.000.000 VNĐ là của các công nhân viên công ty và các cổ đông khác góp.

Tập đoàn thép Vạn Lợi được hình thành khởi đầu từ Công ty TNHH Vạn Lợi thành lập năm 1993, hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh và sản xuất thép.

Từ những năm đầu, Vạn Lợi là doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tư nhân đầu tiên và lớn nhất miền Bắc nhập khẩu thép số lượng lớn về cung cấp thép lớn và uy tín trên thế giới để nhập khẩu thép về Việt Nam và cung cấp bán buôn cho nhiều doanh nghiệp kinh doanh thép trong cả nước.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Kinh nghiệm nhiều năm trong thương mại nhập khẩu thép, qua việc tìm hiểu các nhà máy sản xuất thép ở nước ngoài như Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức- Vạn Lợi chuyển hướng hoạt động kinh doanh thương mại truyền thống sang nhà đầu tư nhà máy sản xuất thép và tập trung chuyên sâu về phía thượng nguồn của ngành thép. Đó là đầu tiên cán thép, sau đó sản xuất phôi thép từ thép phế liệu, tiếp đến khai thác mỏ quặng thép và chế biến sâu quặng sắt, cuối cùng sản xuất phôi thép hành phẩm từ nguyên liệu chính là quặng sắt.

Bắt đầu từ năm 1996, Vạn lợi đã quyết định đầu tư nhà máy cán thép xây dựng công suất 200.000 tấn/năm tại Hải Phòng. Đây là nhà máy đầu tiên do nguồn vốn tư nhân đầu tư tại miền Bắc Việt Nam lúc bấy giờ.

Năm 2003, Vạn Lợi tiếp tục đầu tư xây dựng nhà máy luyện phôi thép từ nguyên vật liệu chính là thép phế có công suất 600.000 tấn/năm tại Hải Phòng. Nhà máy chính thức vận hành ngày 16/09/2006.

Công ty Cổ Phần Thép Vạn Lợi là công ty cổ phần đầu tiên của tập đoàn thép Vạn Lợi. Công ty được thành lập và đăng ký kinh doanh theo số 0203002957 ngày 28/03/2007 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp.

Năm 2007, đánh dấu một bước ngoặt và mở ra cơ hội mới cho tập đoàn Thép Vạn Lợi thực hiện định hướng chiến lược đã đề ra là chuyên sâu vào sản xuất thép định hướng về phía thượng nguồn. Đó là việc nhà máy hoàn thành, hoạt động tốt và hiệu quả, các dự án mà Vạn Lợi đầu tư tiếp theo có tính khả thi được các Bộ, các cơ quan ban hành, các tỉnh có liên quan ủng hộ. Đặc biệt các ngân hàng lớn và uy tín là Vietcombank, Agribank, BIDV cũng sẵn sàng tài trợ nguồn vốn dài hạn/ngắn hạn cho các dự án khả thi.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực kinh doanh của công ty

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

2.1.2.1.Chức năng: Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất của hai nhà máy: nhà máy cán thép xây dựng công suất 200.000 tấn/năm và Nhà máy luyện phôi thép từ sắt thép phế liệu với công suất 600.000 tấn/năm.

2.1.2.2.Nhiệm vụ:

- Thực hiện kế hoạch sản xuất của công ty CP thép Vạn Lợi
- Tổ chức và quản lý sản xuất
- Quản lý các yếu tố đầu vào cho sản xuất
- Quản lý công nghệ cho sản xuất sản phẩm
- Quản lý máy móc, thiết bị đã trang bị cho sản xuất
- Quản lý tài sản, vật tư khác của công ty
- Quản lý thành phẩm và tiêu thụ
- Quản lý lao động
- Quản lý an toàn và công tác phòng cháy chữa cháy.
- Quản lý tài sản thuê ngoài

2.1.2.3.Lĩnh vực kinh doanh

- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất than cốc;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất xi măng;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại;
- Tái chế phế liệu kim loại;
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng;

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- ❖ Sản phẩm chính của doanh nghiệp
 - Thép thanh cán vằn xây dựng đường kính từ D10-D32. Mác thép SD295, SD390. Sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam và Nhật Bản.
 - Phôi thép vuông 100-150, dài 6m. Thông thường sản xuất phôi vuông 120 dài 6m. Sản xuất các mác thép chủ yếu để cung cấp cho các nhà máy cán sản xuất thép xây dựng mác SD295 và SD 390. Chúng loại phôi thép khác theo đặt hàng.

2.1.3. Bộ máy tổ chức quản lý của công ty

2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức của công ty CP thép Vạn Lợi

a- Ban giám đốc gồm:

- ✓ Tổng Giám Đốc
- ✓ Phó Tổng Giám Đốc sản xuất.
- ✓ Phó Tổng giám Đốc Thiết bị
- ✓ Phó Tổng Giám Đốc Kinh doanh

b- Phòng kỹ thuật

c- Phòng tổ chức – hành chính

d- Phòng kế toán- tài chính

e- Phòng kinh doanh- xuất nhập khẩu

f- Phòng cơ điện

g- Phòng vật tư

h- Ban bảo vệ

i- Phân xưởng luyện thép

j- Phân xưởng Nguyên liệu

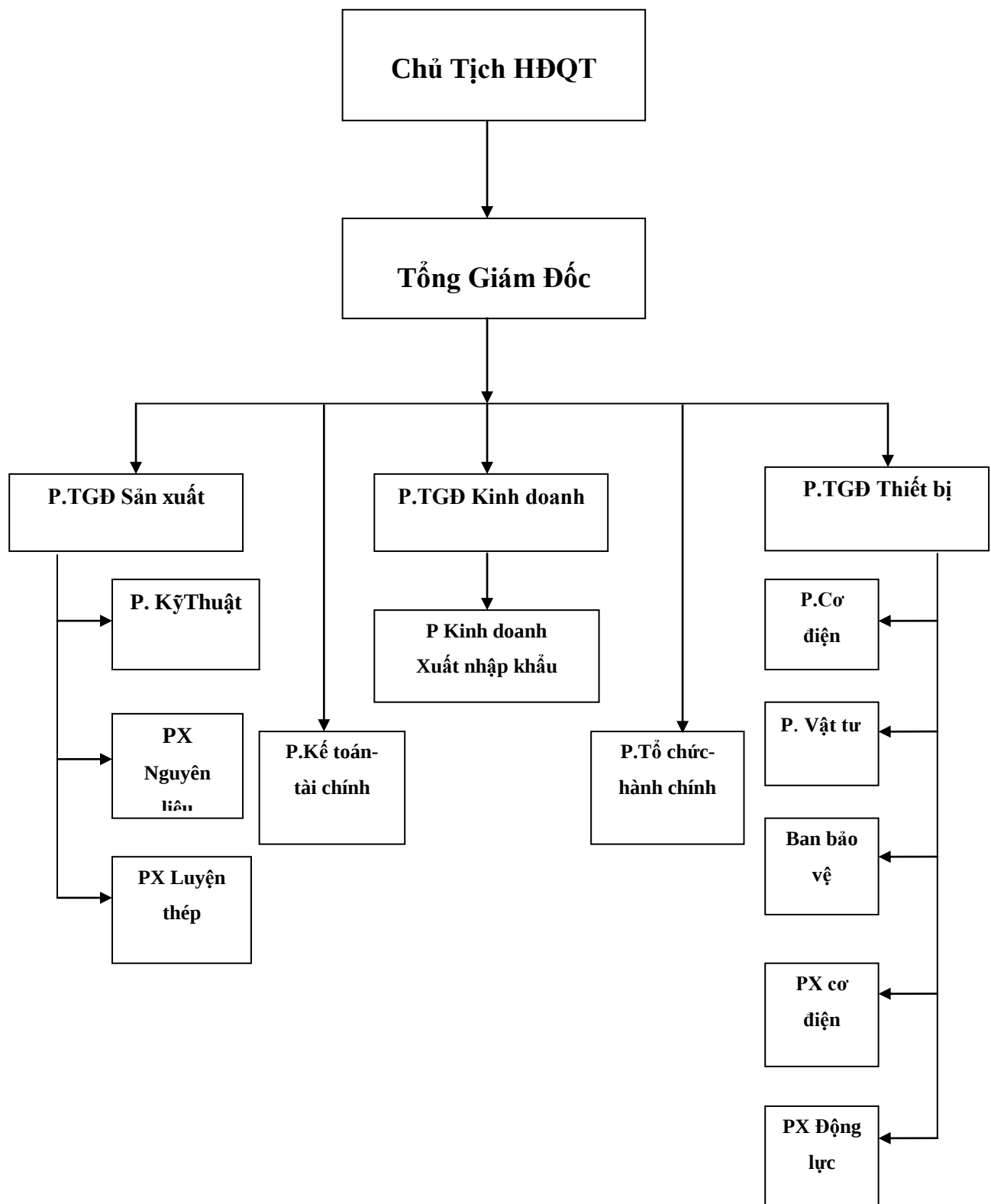
Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

k- Phân xưởng Cơ điện

l- Phân xưởng động lực

2.1.3.2. Sơ đồ bộ máy tổ chức của công ty CP thép Vạn Lợi

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi



Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

2.1.3.3. Chức năng của Ban giám đốc và các phòng ban- phân xưởng

✓ Chức năng của Ban Giám Đốc

a. Tổng Giám Đốc

* Chức năng: Thay mặt HĐQT trực tiếp điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty

* Nhiệm vụ:

- Trực tiếp phụ trách công tác cán bộ, công tác Tài chính, công tác kinh doanh, đầu tư phát triển.

- Trực tiếp phụ trách các phòng: Phòng KT-TC, phòng TC- HC.

b. Phó Tổng Giám Đốc sản xuất

* Chức năng: Giúp việc cho TGD về công tác sản xuất, kỹ thuật nấu thép, cán thép.

* Nhiệm vụ:

- Trực tiếp tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động kỹ thuật công nghệ, sản xuất luyện thép và cán thép.

- Trực tiếp phụ trách các phân xưởng: px luyện thép, px nguyên liệu, px cán.

c. Phó Tổng Giám Đốc kinh doanh

* Chức năng: Giúp việc cho TGD về hoạt động kinh doanh.

* Nhiệm vụ:

- Trực tiếp quản lý phòng Kinh doanh- Xuất nhập khẩu, phòng kho vận.

- Kiểm tra và tổ chức thực hiện mọi hợp đồng/ giao dịch có liên quan tới lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Ký các giấy tờ liên quan đến xuất nhập khẩu

d. Phó Tổng Giám Đốc thiết bị

* Chức năng: Giúp việc cho TGD về công tác sản xuất kỹ thuật cho toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của công ty.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

* Nhiệm vụ:

- Chịu trách nhiệm trước TGD trong việc quản lý, sử dụng, vận hành, sửa chữa thay thế các loại xe có động cơ của công ty.
- Trực tiếp phụ trách các px cơ điện, Động lực.

✓ Chức năng của các phòng ban phân xưởng

a. Phòng tổ chức – hành chính:

Có chức năng cơ bản là tham mưu cho Tổng Giám Đốc, nhiệm vụ cụ thể:

- Tổ chức quản lý, sắp xếp lao động tại đơn vị, tuyển dụng, đào nhân lực.
- Quản lý hồ sơ và giải quyết các vấn đề về chế độ tiền lương, thưởng, chế độ chính sách xã hội cho người lao động, công tác thi đua khen thưởng.
- Công tác hành chính: soạn thảo quy định, quyết định, thông báo...

b. Phòng Kế toán- tài chính

Có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc, nhiệm vụ cụ thể:

- Tổ chức, thực hiện công tác kế toán – tài chính của đơn vị : Thu thập, xử lý chứng từ, lập sổ sách kế toán và báo cáo tài chính.
- Tổ chức quản lý và sử dụng nguồn vốn Công ty cấp có hiệu quả thực hiện chế độ thu , nộp đầy đủ với Công ty, nghĩa vụ với Nhà Nước.
- Giám sát và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, cung cấp các thông tin kinh tế, kế toán – tài chính cho nhà quản lý.

c. Phòng kinh doanh – xuất nhập khẩu:

- Nghiên cứu mở rộng thị trường, tìm kiếm nguồn hàng, khách hàng
- Xây dựng phương án kinh doanh xác lập rõ ràng, xác lập các khoản mục trong phương án.
- Quản lý hệ thống các hợp đồng kinh tế, các loại văn bản liên quan tới công việc kinh doanh

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

- Theo dõi lượng xuất thành phẩm, nhập nguyên liệu hàng ngày.
- Tham mưu cho lãnh đạo về tình hình thị trường làm cơ sở cho việc định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.
- Thực hiện các giao dịch mua bán với nước ngoài(giao dịch, thoả thuận hợp đồng...) theo yêu cầu của lãnh đạo công ty.
- Thực hiện giao dịch giao nhận hàng hoá, bố trí phương tiện lưu kho bãi.
- Làm biên bản giao nhận hàng đảm bảo chính xác về số lượng, chủng loại...
- Lưu trữ toàn bộ hồ sơ giao nhận hàng hoá làm cơ sở đối chiếu khi có vấn đề phát sinh.

d. Phòng kỹ thuật

Là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng quản lý, điều hành và chỉ đạo kỹ thuật công nghệ trong quá trình sản xuất.

e. Phòng cơ điện

Là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng quản lý kỹ thuật cho toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị tài sản cố định sử dụng trong dây chuyền sản xuất kinh doanh của công ty.

f. Phòng vật tư

- Mua nguyên vật liệu, vật tư thiết bị, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế trực tiếp phục vụ sản xuất; các dịch vụ kỹ thuật (chuyển giao công nghệ, sửa chữa thiết bị, kiểm định/hiệu chỉnh thiết bị).
- Quản lý kho và thực hiện việc cấp phát nguyên vật liệu, vật tư thiết bị, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế.

g. Phân xưởng luyện thép

Là bộ phận trực tiếp làm ra thành phẩm phôi thép, quản lý máy móc thiết bị, lao động theo kế hoạch và các qui định, quy chế của Công ty.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

h. Ban bảo vệ

Là đơn vị đặc biệt có vị trí như các phòng ban và phân xưởng khác trong Công ty, có chức năng đảm bảo công tác an ninh, an toàn và trật tự nội bộ của Công ty, trực tiếp tổ chức và bố trí lao động làm nhiệm vụ canh giới, canh giữ bảo vệ tại các vị trí được Công ty quy định để giữ vững an ninh, trật tự và an toàn cho toàn bộ tài sản của Công ty.

i. Phân xưởng nguyên liệu

Là đơn vị trực tiếp sản xuất của công ty có chức năng tiếp nhận, phân loại và chế biến các nguyên liệu, sắt thép phế liệu phục vụ cho nấu luyện SX phôi. Quản lý, sử dụng máy móc thiết bị và lao động được giao với mục đích sx theo kế hoạch và qui định, qui chế của Công ty.

j. Phân xưởng cơ điện

Có chức năng đảm bảo kỹ thuật cho toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị sản xuất chính. Bảo đảm cho hệ thống cung cấp nguồn nước luôn hoạt động ổn định, đúng tính năng kỹ thuật, phát huy hết hiệu quả công suất, phục vụ kịp thời sản xuất.

k. Phân xưởng động lực

Là phân xưởng sản xuất phụ trợ trực tiếp quản lý, khai thác và vận hành toàn bộ hệ thống thiết bị sản xuất Ôxy, Argon và khí nén đảm bảo luôn hoạt động ổn định, đúng tính năng kỹ thuật, phát huy hết hiệu quả công suất phục vụ đáp ứng yêu cầu sản xuất nấu luyện thép của công ty.

2.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty CP thép Vạn Lợi trong thời gian gần đây

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2009	Năm 2010	So sánh (%)	Chênh lệch	
					Mức	%
Sản lượng	kg	167,316,363	151,458,504	90.52	(15,857,859)	(9.48)
Doanh thu	đ	2,426,459,429,814	2,196,485,201,157	90.52	(229,974,228,657)	(9.48)
Chi phí	đ	2,474,135,311,592	2,239,687,272,300	90.52	(234,448,039,292)	(9.48)
<i>Trong đó: Giá vốn</i>	đ	2,305,585,501,091	2,092,338,110,604	90.75	(213,247,390,487)	(9.25)
Lợi nhuận	đ	(47,675,881,778)	(43,202,071,143)	90.62	4,473,810,635	(9.38)

❖ **Chỉ tiêu sản lượng:** ta thấy sản lượng năm 2010 giảm so với năm 2009 là 9,48% tương đương với 15.857.859kg.

Sản lượng tiêu thụ hàng hóa năm 2010 giảm so với năm 2009 vì một số nguyên nhân sau:

- Nguyên vật liệu đầu vào không đủ để dây chuyền sản xuất thành phẩm hoạt động
- Giá cả phế liệu lên cao công ty không đủ năng lực thu mua nhiều.
- Tình hình cạnh tranh mạnh mẽ giữa các công ty cùng ngành cho nên số lượng hợp đồng mua bán giảm xuống.
- Chưa chú trọng đến công tác bảo dưỡng máy móc, thiết bị và cải tiến kỹ thuật dẫn đến các phân xưởng sản xuất ngừng trệ.

❖ **Chỉ tiêu doanh thu:**

Doanh thu của doanh nghiệp trong năm 2010 đạt 2.426.459.429.814đ, giảm 9,48% so với năm 2009. Ta thấy mức giảm của doanh thu của năm 2010 so với năm 2009 tương đương với lại mức giảm sản lượng tiêu thụ trong 2 năm 2010 và 2009. Điều đó chứng tỏ là nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu giảm chính là sản lượng tiêu thụ giảm làm giảm doanh thu của doanh nghiệp.

❖ **Chỉ tiêu chi phí:**

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chi phí của doanh nghiệp trong năm 2010 cũng giảm 234.448.039.292đ tương đương với 9,48%. Trong đó chi phí tính giá thành đã giảm 213.247.390.487đ tương đương với 9,25%. Như ta đã phân tích ở trên sản lượng sản xuất giảm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu của doanh nghiệp và chỉ tiêu chi phí cũng bị ảnh hưởng. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và sản xuất chung đều giảm. Nhiều công nhân lao động đều trong tình trạng nghỉ chờ việc. Máy móc thiết bị ngừng hoạt động 1 thời gian. Mọi hoạt động của doanh nghiệp gần như bị ngừng trệ.

❖ Chỉ tiêu lợi nhuận:

Nhìn chung tình hình kinh doanh của công ty trong những năm gần đây theo chiều hướng tiêu cực. Năm 2009 và 2010 đều bị lỗ vốn. So với năm 2009, năm 2010 thì bị lỗ ít hơn là 4.473.810.635đ. Điều đó không có nghĩa là tình hình kinh doanh của công ty được cải thiện, mà chẳng qua là chi phí sản xuất giảm quá nhiều do việc ngừng hoạt động sản xuất. Nguyên nhân dẫn đến tình hình thua lỗ của công ty trong 2 năm qua có thể là:

- Nguồn cung ứng nguyên liệu đầu vào khan hiếm, giá thép phế liệu tăng cao.
- Công ty chưa quan tâm đến việc cải tiến dây chuyền sản xuất.
- Công tác quản lý doanh nghiệp chưa chặt chẽ.
- Đã có nhiều đối thủ cạnh tranh xuất hiện, chiếm lĩnh thị trường.

2.2. Phân tích thực trạng tài chính của Công ty CP thép Vạn Lợi

2.2.1. Phân tích khái quát tình hình tài chính của công ty

2.2.1.1. Phân tích bảng cân đối kế toán

2.2.1.1.1. Phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều ngang

Bảng 2.1. Phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều ngang

Đơn vị tính: đồng

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009 so với Năm 2008		Năm 2010 so với Năm 2009	
				Số tiền	%	Số tiền	%
TÀI SẢN							
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	548,874,055,721	965,795,954,558	1,282,973,978,931	416,921,898,837	76	317,178,024,373	33
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	15,388,101,731	10,513,878,717	15,955,887,338	(4,874,223,014)	-32	5,442,008,621	52
1. Tiền	13,088,101,731	8,213,878,717	13,655,887,338	(4,874,223,014)	-37	5,442,008,621	66
2. Các khoản tương đương tiền	2,300,000,000	2,300,000,000	2,300,000,000	0	0	0	0
II. Các khoản đầu tư TCNH	-	-	-	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	291,618,138,212	421,614,371,458	681,648,107,067	129,996,233,246	45	260,033,735,609	62
1. Phải thu ngắn hạn	108,088,258,717	242,506,448,604	264,533,320,782	134,418,189,887	124	22,026,872,178	9
2. Trả trước cho người bán	82,312,287,239	27,440,993,380	63,744,711,462	(54,871,293,859)	-67	36,303,718,082	132
5. Các khoản phải thu khác	101,217,592,256	151,666,929,474	353,370,074,823	50,449,337,218	50	201,703,145,349	133
IV. Hàng tồn kho	219,896,857,043	511,221,362,014	572,275,121,587	291,324,504,971	132	61,053,759,573	12
1. Hàng tồn kho	219,896,857,043	571,431,429,050	572,987,515,446	351,534,572,007	160	1,556,086,396	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	-	(60,210,067,036)	(712,393,859)	-	-	59,497,673,177	-99
V. Tài sản ngắn hạn khác	21,970,958,735	13,446,342,369	13,094,862,939	(8,524,616,366)	-39	(351,479,430)	-3
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9,320,409,910	1,944,173,204	1,536,154,594	(7,376,236,706)	-79	(408,018,610)	-21
2. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	1,664,569,613	-	-	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	12,650,548,825	11,502,169,156	9,894,138,732	(1,148,379,669)	-9	(1,608,030,424)	-14
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	877,666,508,651	906,127,649,756	818,256,254,327	28,461,141,105	3	(87,871,395,429)	-10
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
II. Tài sản cố định	877,661,508,651	904,175,484,749	818,251,254,327	26,513,976,098	3	(85,924,230,422)	-10
1. Tài sản cố định hữu hình	655,280,794,694	904,068,769,044	818,128,072,445	248,787,974,350	38	(85,940,696,599)	-10
- Nguyên giá	715,887,470,743	1,057,777,533,465	1,063,149,408,882	341,890,062,722	48	5,371,875,417	1
- Giá trị hao mòn lũy kế	(60,606,676,049)	(153,708,764,421)	(245,021,336,437)	(93,102,088,372)	154	(91,312,572,016)	59
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	222,380,713,957	106,715,705	123,181,882	(222,273,998,252)	-99.95	16,466,177	15
IV. Các khoản đầu tư TCDH	5,000,000	5,000,000	5,000,000	0	0	0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	5,000,000	5,000,000	5,000,000	0	0	0	0
V. Tài sản dài hạn khác	-	1,947,165,007	-	-	-	-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	-	1,947,165,007	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,426,540,564,372	1,862,913,603,723	2,101,230,233,258	436,373,039,351	31	238,316,629,535	13

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009 so với Năm 2008		Năm 2010 so với Năm 2009	
				Số tiền	%	Số tiền	%
NGUỒN VỐN							
A. NỢ PHẢI TRẢ	805,310,991,493	1,327,232,838,431	1,620,052,988,011	521,921,846,938	65	292,820,149,580	22
I. Nợ ngắn hạn	528,362,235,387	1,069,201,816,214	1,406,284,862,386	540,839,580,827	102	337,083,046,172	32
1. Vay và nợ ngắn hạn	338,583,697,740	807,836,595,375	823,184,831,633	469,252,897,635	139	15,348,236,258	2
2. Phải trả người bán	146,530,766,130	207,148,596,730	335,392,995,299	60,617,830,600	41	128,244,398,569	62
3. Người mua trả tiền trước	13,928,155,040	7,325,759,663	130,190,849,231	(6,602,395,377)	-47	122,865,089,568	1677
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	28,520,796	1,440,910,791	2,081,414,267	1,412,389,995	4952	640,503,476	44
5. Phải trả cho người lao động	1,948,190,979	2,705,857,525	3,638,260,739	757,666,546	39	932,403,214	34
6. Chi phí phải trả	0	4,361,094,636	4,620,216,588	4,361,094,636		259,121,952	6
7. Phải trả nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
8. Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	-	-	-	-	-	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	27,342,904,702	38,383,001,494	107,176,294,629	11,040,096,792	40	68,793,293,135	179
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-
II. Nợ dài hạn	276,948,756,106	258,031,022,217	213,768,125,625	(18,917,733,889)	-7	(44,262,896,592)	(17)
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-	-	-	-	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	276,948,756,106	258,031,022,217	213,768,125,625	(18,917,733,889)	-7	(44,262,896,592)	(17)
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	621,229,572,897	535,690,765,883	481,177,245,247	(85,538,807,014)	-14	(54,513,520,636)	-10
I. Vốn chủ sở hữu	621,229,572,897	534,954,489,557	481,057,703,821	(86,275,083,340)	-14	(53,896,785,736)	(10)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500,000,000,000	590,000,000,000	590,000,000,000	90,000,000,000	18	0	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	0	(10,619,283,182)	-	-	(10,619,283,182)	
7. Quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	121,229,572,897	(55,045,510,443)	(98,323,012,997)	(176,275,083,340)	-145	(43,277,502,554)	79
11. Nguồn vốn đầu tư XD CB	-	-	-	-	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	736,276,326	119,541,426	736,276,326		(616,734,900)	(84)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	736,276,326	119,541,426	736,276,326		(616,734,900)	(84)
2. Nguồn kinh phí	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,426,540,564,372	1,862,923,604,314	2,101,230,233,258	436,383,039,942	31	238,306,628,944	13

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Qua bảng phân tích trên ta thấy giá trị tổng tài sản của công ty tăng lên cụ thể là năm 2009 tăng lên 31% so với năm 2008 (tương đương với 436.383.039.942đ), năm 2010 tăng lên so với năm 2009 là 13% (tương đương với 238.306.628.944đ). Để hiểu rõ hơn về tình hình tài sản và nguồn vốn ta đi vào phân tích cụ thể hơn:

Một là phần tài sản

- Về TSLĐ và ĐTNH:

Năm 2009 so với năm 2008, TSLĐ và ĐTNH tăng lên 76% tương ứng với 416.921.898.837đ. Nguyên nhân chính là do hàng tồn kho tăng lên quá lớn 132% tương đương với 291.324.504.971đ. Hàng tồn kho tăng sẽ gây nên tình trạng ứ đọng vốn, làm tăng các khoản chi phí bảo quản lưu kho, lưu bãi. Vì vậy công ty cần có những chính sách thích hợp nhằm hạn chế tình trạng lưu kho để giảm chi phí, tăng tốc độ luân chuyển vốn và hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất.

Các khoản phải thu ngắn hạn tăng lên 45% tương đương với 129.996.233.246đ, trong đó các khoản phải thu ngắn hạn tăng lên 124% là do khoản nợ của công ty thép Việt Đức vẫn chưa được thanh toán và do một số khoản phải thu cả công ty thép Phương Linh, Matexim, Cửu Long, Việt Nhật... Do đó doanh nghiệp cần phải có biện pháp để giảm thiểu công nợ của khách hàng.

Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 32% tương ứng với 4.874.223.014 nguyên nhân là do lượng tiền gửi ngân hàng giảm từ 12.639.698.688đ xuống còn 7.70.188.223đ. Công ty đã sử dụng tiền cho việc sản xuất kinh doanh để tăng vòng luân chuyển tiền.

Ngoài ra TSLĐ khác cũng giảm một lượng đáng kể là 39% tương đương với 8.254.616.366đ, do chi phí trả trước giảm xuống làm cho TSNH khác giảm xuống.

Năm 2010 so với năm 2009, TSLĐ và ĐTNH tăng lên 33% tương đương với 317.178.024.373đ. Nguyên nhân chủ yếu là do tiền các khoản tương đương tiền tăng

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

lên 52% tương đương 5.442.008,621đ lượng tiền tăng lên đây là một thuận lợi đối với khả năng thanh toán của công ty..

Các khoản phải thu ngắn hạn tiếp tục tăng lên 62% tương đương với 260.033.735.609đ, nguyên nhân là do các khoản phải thu khách hàng tăng lên. Như vậy về mặt lý thuyết chúng ta có thể đánh giá là công ty đã để ứ đọng vốn quá nhiều gây khó khăn cho khâu thanh toán, do chưa tích cực thu hồi các khoản nợ. Mặc dù trên thực tế, năm 2010 công ty đã mở rộng thêm thị trường mới, có thêm nhiều khách hàng mới. Nhưng yếu tố các khoản phải thu của khách hàng chiếm một tỷ lệ cao trong tài sản lưu động sẽ dẫn đến việc sử dụng tài sản lưu động kém hiệu quả.

Ngoài ra hàng tồn kho tăng 12% tương đương với 61.053.759.573đ nguyên nhân chính là do một số tài sản cố định công ty chuyển sang làm công cụ dụng cụ tăng.

- Về TSCĐ và ĐTDH:

Năm 2009 so với năm 2008, TSCĐ và ĐTDH tăng lên 3% tương ứng với 28.461.141.105đ. Nguyên nhân chủ yếu do TSCĐ tăng lên 26.513.976.098đ do công ty đưa vào sản xuất một số dây chuyền sx mới. Giá trị hao mòn lũy kế cũng tăng lên 154%. Bên cạnh đó thì chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giảm đi 99,95% do dây chuyền nhà máy luyện phôi thép giai đoạn 2 được đưa vào sử dụng trị giá 222.380.713.957đ và công ty tiếp tục đầu tư công trình nhà xưởng chứa xỉ và nhà xưởng vật liệu chịu lửa với giá trị là 106.715.705đ.

Năm 2010 so với năm 2009, TSCĐ và ĐTDH giảm xuống 10% tương đương với 87.871.395.429đ. Nguyên nhân là do TSCĐ giảm, công ty thanh lý một số tài sản tại phân xưởng và chuyển một số sang làm công cụ dụng cụ.

Chi phí xây dựng dở dang tăng lên 16.466.177đ, khoản này được chi vào công trình công trình nhà xưởng chứa xỉ và nhà xưởng vật liệu chịu lửa của năm 2009.

Hai là phần nguồn vốn:

- Về nợ phải trả:

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Năm 2009 so với năm 2008, nợ phải trả tăng lên 65% tương đương với 521.921.846.938đ do nợ ngắn hạn tăng lên khá lớn 102% tương đương với 540.839.580.827đ. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm vừa qua công ty thiếu vốn, phải vay ngân hàng để mua nguyên vật liệu và trang trải các chi phí khác để đảm bảo cho dây chuyền sản xuất được hoạt động. Mặt khác trong sự tăng lên của nợ phải trả, khoản phải trả người bán cũng tăng lên đáng kể 41% tương đương với 60.617.830.600đ, cho thấy công ty cũng đi chiếm dụng vốn của người bán cũng nhiều.

Ngược lại các khoản nợ dài hạn là giảm xuống 7% tương đương 18.917.733.889đ là cho khoản nợ phải trả tăng lên 65%. Nếu không trả bớt phần vay dài hạn thì khoản nợ ngắn hạn tăng cao như vậy sẽ làm cho khoản nợ phải trả còn tăng cao hơn nữa.

Năm 2010 so với năm 2009, Nợ phải trả tăng lên 22% tương đương với 292.820.149.580đ. Nguyên nhân chủ yếu là do công ty nợ người bán một khoản tiền khá lớn là cho phải trả người bán tăng lên 62%. Bên cạnh đó nợ dài hạn lại giảm đi 17% kéo theo các khoản nợ phải trả cũng bớt đi một phần. Qua đó ta thấy công ty cần phải nhanh chóng thu hồi các khoản nợ phải thu để giảm bớt các nhu cầu vay vốn của công ty.

- Về nguồn vốn chủ sở hữu:

Năm 2009 so với năm 2008, VCSH giảm 14% tương đương với 85.538.807.014đ do khoản VCSH giảm 14%, nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận chưa phân phối giảm 145% tương đương với 176.275.083.340đ. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty có chiều hướng giảm sút. Công ty cần phải có biện pháp khắc phục.

Đến năm 2010 thì doanh nghiệp lại tiếp tục giảm tức là lợi nhuận chưa phân phối đã giảm 79% so với năm 2009 tương đương với 43.277.502.554đ. Ta thấy tình hình kinh doanh của công ty ngày càng sa sút trầm trọng.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

2.2.1.1.2. Phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều dọc

Phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều dọc nghĩa là mọi chỉ tiêu được so sánh với tổng tài sản hoặc tổng nguồn vốn, để xác định mối quan hệ tỷ lệ, kết cấu của từng khoản mục trong tổng số. Qua đó ta có thể đánh giá biến động so với quy mô chung, giữa năm sau so với năm trước.

Bảng 2.2. phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều dọc

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Theo quy mô chung (%)		
				Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
TÀI SẢN						
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	548,874,055,721	965,795,954,558	1,282,973,978,931	38.48	51.84	61.06
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	15,388,101,731	10,513,878,717	15,955,887,338	1.08	0.56	0.76
1. Tiền	13,088,101,731	8,213,878,717	13,655,887,338	0.92	0.44	0.65
2. Các khoản tương đương tiền	2,300,000,000	2,300,000,000	2,300,000,000	0.16	0.12	0.11
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	291,618,138,212	421,614,371,458	681,648,107,067	20.44	22.63	32.44
1. Phải thu khách hàng	108,088,258,717	242,506,448,604	264,533,320,782	7.58	13.02	12.59
2. Trả trước cho người bán	82,312,287,239	27,440,993,380	63,744,711,462	5.77	1.47	3.03
5. Các khoản phải thu khác	101,217,592,256	151,666,929,474	353,370,074,823	7.10	8.14	16.82
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	-	-	-	-	-	-
IV. Hàng tồn kho	219,896,857,043	511,221,362,014	572,275,121,587	15.41	27.44	27.24
1. Hàng tồn kho	219,896,857,043	571,431,429,050	572,987,515,446	15.41	30.67	27.27
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	-	(60,210,067,036)	(712,393,859)	-	-3.23	-0.03
V. Tài sản ngắn hạn khác	21,970,958,735	13,446,342,369	13,094,862,939	1.54	0.72	0.62
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9,320,409,910	1,944,173,204	1,536,154,594	0.65	0.10	0.07
2. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	1,664,569,613	-	-	0.08
4. Tài sản ngắn hạn khác	12,650,548,825	11,502,169,156	9,894,138,732	0.89	0.62	0.47
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	877,666,508,651	906,127,649,756	818,256,254,327	61.52	48.64	38.94
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
II. Tài sản cố định	877,661,508,651	904,175,484,749	818,251,254,327	61.52	48.54	38.94
1. Tài sản cố định hữu hình	655,280,794,694	904,068,769,044	818,128,072,445	45.93	48.53	38.94
- Nguyên giá	715,887,470,743	1,057,777,533,465	1,063,149,408,882	50.18	56.78	50.60
- Giá trị hao mòn lũy kế	(60,606,676,049)	(153,708,764,421)	(245,021,336,437)	-4.25	-8.25	-11.66
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	222,380,713,957	106,715,705	123,181,882	15.59	0.01	0.01
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5,000,000	5,000,000	5,000,000	0.0004	0.0003	0.0002
3. Đầu tư dài hạn khác	5,000,000	5,000,000	5,000,000	0.0004	0.0003	0.0002
V. Tài sản dài hạn khác	-	1,947,165,007	-	-	0.10	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	-	1,947,165,007	-	-	0.10	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,426,540,564,372	1,862,913,603,723	2,101,230,233,258	100.00	100.00	100.00

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Theo quy mô chung (%)		
				Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
NGUỒN VỐN						
<u>A. NỢ PHẢI TRẢ</u>	805,310,991,493	1,327,232,838,431	1,620,052,988,011	56.45	71.24	77.1
I. Nợ ngắn hạn	528,362,235,387	1,069,201,816,214	1,406,284,862,386	37.04	57.39	66.93
1. Vay và nợ ngắn hạn	338,583,697,740	807,836,595,375	823,184,831,633	23.73	43.36	39.18
2. Phải trả người bán	146,530,766,130	207,148,596,730	335,392,995,299	10.27	11.12	15.96
3. Người mua trả tiền trước	13,928,155,040	7,325,759,663	130,190,849,231	0.98	0.39	6.2
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	28,520,796	1,440,910,791	2,081,414,267	0	0.08	0.1
5. Phải trả cho người lao động	1,948,190,979	2,705,857,525	3,638,260,739	0.14	0.15	0.17
6. Chi phí phải trả	0	4,361,094,636	4,620,216,588	0	0.23	0.22
7. Phải trả nội bộ	-	-	-	-	-	-
8. Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	-	-	-	-	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác.	27,342,904,702	38,383,001,494	107,176,294,629	1.92	2.06	5.1
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
II. Nợ dài hạn	276,948,756,106	258,031,022,217	213,768,125,625	19.41	13.85	10.17
4. Vay và nợ dài hạn	276,948,756,106	258,031,022,217	213,768,125,625	19.41	13.85	10.17
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-	-	-	-
<u>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</u>	621,229,572,879	535,690,765,883	481,177,245,247	43.55	28.76	22.9
I. Vốn chủ sở hữu	621,229,572,879	534,954,489,557	481,057,703,821	43.55	28.72	22.89
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500,000,000,000	590,000,000,000	590,000,000,000	35.05	31.67	28.08
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	0	-10,619,283,182	-	0	-0.51
10. Lợi nhuận chưa phân phối.	121,229,572,879	-55,045,510,443	-98,323,012,997	8.5	-2.95	-4.68
11. Nguồn vốn đầu tư XD CB	-	-	-	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác.	0	736,276,326	119,541,426	0	0.04	0.01
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	736,276,326	119,541,426	0	0.04	0.01
2. Nguồn kinh phí	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,426,540,564,372	1,862,923,604,314	2,101,230,233,258	100	100	100

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Thứ nhất về tài sản

- TSLĐ và ĐTNH:

Qua bảng phân tích trên ta thấy trong tổng tài sản thì TSLĐ và ĐTNH của năm 2008 chiếm tỷ trọng nhỏ 38,48% tương đương với 548.874.055.721đ. Còn năm 2009 và năm 2010 đều tăng và chiếm tỷ trọng lớn. Đối với năm 2009 chiếm 51,84% tương đương với 965.795.954.558đ, năm 2010 tăng lên 61,06% tương đương với 1.282.973.931đ. TSLĐ và ĐTNH dưới dạng các khoản phải thu chiếm tỷ trọng lớn ở Năm 2008 chiếm 20,44% (tương đương với 291.618.138.212đ), đến năm 2009 lại tăng lên là 22,63%(tương đương 421.614.371.458đ), sang năm 2010 thì tăng mạnh 32,44% (tương đương với 681.648.107.067đ). Cụ thể năm 2009 các khoản phải thu khách hàng tăng từ 7,58% lên đến 13,02% hay từ 108.088.258.717đ lên đến 242.506.448.604đ và các khoản phải thu khác tăng từ 101.217.592.256đ đến 151.666.929.474đ. Đến năm 2010 thì các khoản phải thu khách hàng lại tiếp tục tăng lên 264.533.320.782đ. Trong khi đó xét về khía cạnh lập dự phòng các khoản nợ khó đòi thì doanh nghiệp không lập vì vậy doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn nếu lượng tiền bị mất quá lớn vì không lập chính xác các khoản dự phòng. Chưa kể doanh nghiệp bị các doanh nghiệp chiếm dụng một lượng vốn quá lớn Và doanh nghiệp cần có biện pháp cải thiện tình hình thu nợ các khoản phải thu.

Còn đối với hàng tồn kho cũng chiếm tỷ trọng lớn trong phần tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của doanh nghiệp cụ thể. Năm 2008 chiếm tỷ trọng 15,41% tương đương với 219.896.857.043đ, năm 2009 tăng lên 27,44% tương đương với 511.221.362.014đ và đối với năm 2010 thì tỷ trọng là 27,24% tương đương với 572.275.121.587đ. Trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là nguyên vật liệu cụ thể là năm 2008 là 80.879.672.584 chiếm 6%, năm 2009 là 467.947.213.685đ chiếm 25%, năm 2010 là 432.510.291.105đ chiếm 20,6%. Thành phẩm tồn kho của năm 2009 tăng so với năm 2008 là do chất lượng phôi thép thành phẩm kém dẫn đến tình hình tiêu thụ

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

trên thị trường giảm sút vì vậy doanh nghiệp cần phải có biện pháp thúc đẩy tiêu thụ. Đến năm 2010 thì lượng thành phẩm tồn kho giảm xuống, ta thấy tình hình tiêu thụ có chiều hướng đi lên mặc dù chưa được tốt lắm. Nguyên nhân dẫn đến hàng tồn kho năm 2010 tăng là do nguyên vật liệu tăng từ 103.429.397.978đ đến 140.267.741.033đ và công cụ dụng cụ tăng từ 54.817.387đ lên 209.483.308đ. Mặc dù tỷ trọng lượng hàng tồn kho năm 2010 giảm so với năm 2009 mặc dù số tiền hàng tồn kho có tăng lên nhưng tốc độ tăng lượng hàng tồn kho không cao bằng tốc độ tăng của tổng tài sản.

Bên cạnh đó tiền và các khoản tương đương tiền chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản. Cụ thể là năm 2008 chiếm 1,08% tương đương với 15.388.101.731đ trong đó tiền mặt là 448.412.043đ, tiền gửi ngân hàng là 12.639.689.688đ và tiền gửi có kì hạn là 2.300.000.000đ; năm 2009 chiếm 0,56% tương đương với 10.513.878.717đ trong đó tiền mặt là 743.760.494đ, tiền gửi ngân hàng là 7.470.118.223đ và tiền gửi có kì hạn vẫn là 2.300.000.000đ; sang năm 2010 chiếm 0,76% tương đương 15.955.887.338đ trong đó tiền mặt là 1.735.960.675đ, tiền gửi ngân hàng là 11.919.926.663đ và tiền gửi có kì hạn vẫn không thay đổi.

Ta thấy Năm 2009 lượng vốn bằng tiền giảm vì công ty phải chuyển khoản trả một số khoản nợ cho khách hàng, sang năm 2010 thì lượng tiền tăng lên nhưng vẫn chưa thể nói khả năng thanh toán của doanh nghiệp đã được đảm bảo.

Tài sản lưu động khác của doanh nghiệp năm 2008 là 21.970.958.735đ chiếm 1,54%, năm 2009 lại giảm xuống 0,72% tương đương với 13.446.342.369đ và lại tiếp tục giảm xuống 13.094.862.939đ với tỷ lệ giảm xuống còn là 0,62%.

- TSCĐ và ĐTDH

Năm 2009 so với năm 2008, TSCĐ và ĐTDH giảm từ 61,52% xuống còn 48,54% nguyên nhân là do dây chuyền nhà máy luyện phôi thép giai đoạn 2 được đưa vào sử dụng là giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm. Đến năm 2010, TSCĐ và ĐTDH

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

lại tiếp tục giảm xuống còn 38,94% tương đương với 818.251.254.327đ nguyên nhân là do một số TSCĐ được chuyển sang làm công dụng cụ sản xuất.

Hai là về nguồn vốn

- Nợ phải trả:

Cả ba năm 2008, 2009, 2010 phần nợ phải trả đều chiếm tỷ trọng lớn trong phần nguồn vốn cụ thể năm 2008 chiếm 56,45% tương đương với số tiền là 805.310.991.493đ, năm 2009 tiếp tục tăng mạnh lên 71,24% ứng với số tiền là 1.327.232.838.431đ. Năm 2010 lại tăng lên đến 77,10%.

Trong đó thì các khoản nợ ngắn hạn có chiều hướng tăng còn nợ dài hạn lại giảm. Cụ thể là nợ ngắn hạn năm 2008 chiếm có 37,04% tăng lên 57,39% năm 2009. Khoản nợ ngắn hạn này tăng lên chủ yếu là do doanh nghiệp đi vay ngắn hạn. Mục đích của khoản vay này là nhằm đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh và đủ khả năng chi trả của doanh nghiệp khi giá cả nguyên vật liệu tăng lên, . Và cũng đối với năm 2006 khoản nợ ngắn hạn cũng tăng lên 66,93% tương đương với 1.406.284.862.386đ nhưng không phải do các khoản vay ngắn hạn mà là do khoản phải trả người bán tăng lên từ 11,12% đến 15,96% và do người bán trả tiền trước cho doanh nghiệp một lượng tiền là 130.190.849.231đ, qua đó ta thấy doanh nghiệp đi chiếm dụng vốn của doanh nghiệp khác một lượng tiền khá lớn.

Nợ dài hạn của doanh nghiệp ngày càng giảm cụ thể là năm 2008 chiếm 19,41% tương đương với 276.984.756.106đ, năm 2009 giảm xuống còn 13,85% tương đương với số tiền 258.031.022.217đ và đến năm 2010 tiếp tục giảm còn 213.768.125.625đ chiếm 10,17% tổng nguồn vốn.

- Về nguồn vốn chủ sở hữu.

Nguồn vốn chủ sở hữu của năm 2008 chiếm 43,55% tương đương với 621.229.572.879đ và năm 2009 chiếm 28,76% tương đương với 535.690.765.883đ và đến năm 2010 lại giảm xuống còn 481.177.245.247đ chiếm tỷ trọng 22,09%.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Nguồn vốn chủ sở hữu của năm 2008 là 621.229.572.879đ và giảm xuống còn 534.954.489.557đ làm cho tỷ trọng giảm từ 43,55% còn 28,72%. Năm 2010 giảm xuống 481.057.703.821đ chiếm 22,89%. Mặc dù vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2008 là 500.000.000.000đ, sang năm 2009 tăng lên 590.000.000.000đ nhưng tỷ trọng lại giảm từ 35,05% xuống 31,67% do là tốc độ tăng trưởng của nguồn vốn cao hơn tốc độ tăng trưởng của vốn đầu tư của chủ sở hữu. Hơn nữa lợi nhuận chưa phân phối lại giảm mạnh là cho nguồn vốn chủ sở hữu giảm cụ thể là năm 2008 là 121.229.572.879đ nhưng đến năm 2009 giảm xuống (55.045.510.443)đ và đến năm 2010 giảm xuống (98.323.012,997)đ. Qua đó ta thấy tình hình kinh doanh của công ty sa sút trầm trọng. Công ty cần đưa ra biện pháp để cải thiện tốt hơn.

- Phân tích cân đối tài sản và nguồn vốn

Để xem xét sự sắp xếp, phân bố tài sản và nguồn vốn trong doanh nghiệp đã hợp lý chưa, cân đối chưa thì ta tiến hành lập bảng sau:

Bảng 2.3. Bảng cân đối tài sản và nguồn vốn năm 2008

Tài sản	Nguồn vốn
Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn 38,48% 15.388.101.731đ	Nợ ngắn hạn 30,04% 528.362.235.387đ
	Nợ dài hạn 19,41% 276.948.756.106đ
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn 61,52% 877.666.508.651đ	Nguồn vốn chủ sở hữu 43,55% 621.229.572.879đ

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Tài sản lưu động ròng năm 2008= TSLĐ - Nợ phải trả ngắn hạn

$$= 15.388.101.731 - 528.362.235.387 = - 512.974.133.656đ$$

Bảng 2.4. Bảng cân đối tài sản và nguồn vốn năm 2009

Tài sản	Nguồn vốn
Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn 51,36% 956.795.954.558đ	Nợ ngắn hạn 57,39% 1.069.201.816.214đ
	Nợ dài hạn 13,85% 258.031.022.217đ
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn 48,64% 906.127.649.756đ	Nguồn vốn chủ sở hữu 28,76% 535.690.765.883đ

Tài sản lưu động ròng năm 2008= TSLĐ - Nợ phải trả ngắn hạn

$$= 956.795.954.558 - 1.069.201.816.214 = - 112.405.861.656đ$$

Bảng 2.5. Bảng cân đối tài sản và nguồn vốn năm 2010

Tài sản	Nguồn vốn
Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn 61,06% 1.282.973.978.931đ	Nợ ngắn hạn 66,93% 1.406.284.862.386đ
	Nợ dài hạn 10,17%
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

38,94%	213.768.125.625đ
818.256.254.327đ	Nguồn vốn chủ sở hữu
	22,90%
	481.177.245.247đ

Tài sản lưu động ròng năm 2008= TSLĐ - Nợ phải trả ngắn hạn

=1.282.973.978.931- 1.406.284.862.386= - 123.310.883.455đ

- *Cân đối giữa tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn với nợ ngắn hạn.*

Năm 2008: 15.388.101.731đ < 528.362.235.387đ

Năm 2009: 956.795.954.558đ < 1.069.201.816.214đ

Năm 2010: 1.282.973.978.931đ < 1.406.284.862.386đ

Cả 3 năm 2008, 2009 và năm 2010 tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn nhỏ hơn nợ ngắn hạn. Như vậy một phần nợ ngắn hạn đã được đầu tư vào tài sản cố định.

- *Cân đối giữa tài sản cố định và đầu tư dài hạn với nợ dài hạn và nguồn vốn chủ sở hữu*

Năm 2008: 877.666.508.651đ < 898.178.328.985đ

Năm 2009: 906.127.649.756đ > 793.721.788.120đ

Năm 2010: 818.256.254.327đ > 694.945.370.872đ

Như vậy năm 2008 tài sản cố định và đầu tư dài hạn nhỏ hơn nguồn vốn chủ sở hữu và nợ dài hạn. Vậy nợ dài hạn đã có một phần vào tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn. Điều này đảm bảo tính an toàn về mặt tài chính nhưng không đảm bảo về mặt hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vì gây ra sự lãng phí trong kinh doanh khi sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn.

Năm 2009 và năm 2010 thì ngược lại tài sản cố định và đầu tư dài hạn lại lớn hơn nguồn vốn chủ sở hữu và nợ dài hạn vì vậy một phần tài sản cố định và đầu tư dài hạn được đầu tư bởi khoản vay dài hạn.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

2.2.1.2. Phân tích bảng báo cáo kết quả kinh doanh

2.2.1.2.1. Phân tích bảng báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều ngang

Bảng 2.6. Bảng phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều ngang

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch	
			Số tiền	%
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,490,129,757,288	2,335,299,857,298	(154,829,899,990)	-6.22%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	77,620,606,400	159,834,491,374	82,213,884,974	105.92%
3.Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,412,509,150,888	2,175,465,365,924	(237,043,784,964)	-9.83%
4. Giá vốn hàng bán	2,305,585,501,091	2,092,338,110,604	(213,247,390,487)	-9.25%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106,923,649,797	83,127,255,320	(23,796,394,477)	-22.26%
6.Doanh thu từ hoạt động tài chính	6,548,782,345	3,679,246,992	(2,869,535,353)	-43.82%
7.Chi phí tài chính	142,396,916,653	99,319,132,424	(43,077,784,229)	-30.25%
- Trong đó:Chi phí lãi vay	121,147,387,252	87,155,179,583	(33,992,207,669)	-28.06%
8.Chi phí bán hàng	5,350,621,964	1,081,083,754	(4,269,538,210)	-79.80%
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,822,408,624	21,018,192,490	6,195,783,866	41.80%
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(49,007,515,100)	(34,611,906,356)	14,395,608,744	-29.37%
11.Thu nhập khác	7,401,490,581	17,340,588,241	9,939,097,660	134.29%
12.Chi phí khác	6,069,863,259	25,930,753,028	19,860,889,769	327.20%
13.Lợi nhuận khác	1,331,633,322	(8,590,164,787)	(9,921,798,109)	-745.08%
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(47,675,881,778)	(43,202,071,143)	4,473,810,635	9.38%
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-	-	-

Qua phân tích trên ta thấy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của các năm ngày càng giảm. Cụ thể năm 2010 giảm so với năm 2009 là 6,22% tương đương với số tiền là 154.829.899.990đ.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Doanh thu thuần thay đổi đối với tổng doanh thu vì doanh nghiệp bán hàng bị trả lại, các khoản giảm trừ doanh thu tăng và phải nộp các khoản thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt. Cụ thể là các khoản giảm trừ doanh thu năm 2010 tăng so với năm 2009 là 105,92% tương đương với số tiền là 82.213.884.974đ. Doanh thu thuần thay đổi cụ thể là năm 2010 so với năm 2009 giảm 9,83% tương đương với số tiền 237.043.784.964đ.

Giá vốn hàng bán của năm 2010 so với năm 2009 giảm 9,25% tương đương với số tiền là 213.247.390.487đ. Nguyên nhân là cho giá vốn hàng bán giảm là do sản lượng tiêu thụ giảm. Doanh nghiệp cần phải đưa ra các biện pháp cải thiện công tác bán hàng, công tác quản lý sản xuất.

Tốc độ giảm của doanh thu nhỏ hơn tốc độ giảm của giá vốn hàng bán nên làm cho lãi gộp qua các năm cũng giảm 22,26% tương đương với số tiền là 23.796.394.477đ. Điều đó chứng tỏ trong những năm vừa qua công việc kinh doanh của công ty không hiệu quả.

Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2010 so với năm 2009 giảm 43,82% tương đương với số tiền là 2.869.535.353đ. Chi phí tài chính cũng giảm 30,25% tương đương với 43.077.784.229đ.

Do sản lượng giảm kéo theo chi phí bán hàng cũng giảm đi 79,79% nhưng bên cạnh đó thì chi phí quản lý doanh nghiệp lại tăng 41,80% tương đương với số tiền 6.195.783.866đ.

Mặc dù trong năm 2010 thu nhập khác của doanh nghiệp cũng tăng lên 134,29% tương đương với 9.939.097.660đ cũng không bù đắp được chi phí khác tăng lên 327,2% tương đương 19.860.889.769đ kéo theo đó làm cho lợi nhuận khác giảm đến 745,08% tương đương với 9.921.798.109đ.

Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp lại tăng 4.473.810.635đ tăng 9,38%. Khoản lỗ của doanh nghiệp đã giảm nhưng đây không phải là do kết quả kinh doanh

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

của doanh nghiệp được cải thiện mà là do sản lượng tiêu thụ giảm, tốc độ giảm của chi phí mạnh hơn của thu nhập.

2.2.1.2.2. Phân tích bảng báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều dọc

Bảng 2.7. Bảng phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều dọc

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	So với doanh thu thuần(%)	
			Năm 2009	Năm 2010
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,490,129,757,288	2,335,299,857,298	103.22	107.35
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	77,620,606,400	159,834,491,374	3.22	7.35
3.Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,412,509,150,888	2,175,465,365,924	100.00	100.00
4. Giá vốn hàng bán	2,305,585,501,091	2,092,338,110,604	95.57	96.18
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106,923,649,797	83,127,255,320	4.43	3.82
6.Doanh thu từ hoạt động tài chính	6,548,782,345	3,679,246,992	0.27	0.17
7.Chi phí tài chính	142,396,916,653	99,319,132,424	5.90	4.57
- Trong đó: Chi phí lãi vay	121,147,387,252	87,155,179,583	5.02	4.01
8.Chi phí bán hàng	5,350,621,964	1,081,083,754	0.22	0.05
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,822,408,624	21,018,192,490	0.61	0.97
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(49,007,515,100)	(34,611,906,356)	(2.03)	(1.59)
11.Thu nhập khác	7,401,490,581	17,340,588,241	0.31	0.80
12.Chi phí khác	6,069,863,259	25,930,753,028	0.25	1.19
13.Lợi nhuận khác	1,331,633,322	(8,590,164,787)	0.06	(0.39)
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(47,675,881,778)	(43,202,071,143)	(1.98)	(1.99)

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Qua bảng phân tích trên ta thấy để có 100 đồng doanh thu thuần thì trong năm 2009 doanh nghiệp phải bỏ ra 95,57đ giá vốn hàng bán chi bán hàng 0,22đ, chi phí quản lý doanh nghiệp 0,61đ. Trong năm 2010 để có 100đ doanh thu thuần thì doanh nghiệp phải bỏ ra 96,18đ giá vốn hàng bán; chi phí bán hàng là 0,05đ và chi phí quản lý doanh nghiệp là 0,97đ. Như vậy để đạt được 100đ doanh thu cho mỗi năm thì giá vốn hàng bán của năm 2010 giảm so với năm 2009 là do sản lượng bán ra năm 2010 giảm.

Cứ 100 đồng doanh thu thuần trong năm 2009, đem lại 4,43đồng lợi nhuận gộp và đến năm 2010 chỉ đem lại 3,82đ. Như vậy sức sinh lời trên một đồng doanh thu thuần của năm 2010 thấp hơn năm 2009.

Muốn tìm hiểu sâu hơn các mối quan hệ tài chính của doanh nghiệp cần phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng của công ty cổ phần thép Vạn Lợi.

2.2.2. Phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn

Bảng 2.8. Bảng kê diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009 so với Năm 2008				Năm 2010 so với Năm 2009			
				Sử dụng vốn		Nguồn vốn		Sử dụng vốn		Nguồn vốn	
				Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
TÀI SẢN											
<u>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</u>	<u>548.874.055.721</u>	<u>956.795.954.558</u>	<u>1.282.973.978.931</u>								
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	15,388,101,731	10,513,878,717	15,955,887,338			4,874,223,014	0.88	5,442,008,621	1.28		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	291,618,138,212	421,614,371,458	681,648,107,067	129,996,233,246	23.42			260,033,735,609	61.14		
IV. Hàng tồn kho	219,896,857,043	511,221,362,014	572,275,121,587	291,324,504,971	52.49			61,053,759,573	14.36		
V. Tài sản ngắn hạn khác	21,970,958,735	13,446,342,369	13,094,862,939			8,524,616,366	1.54			351,479,430	0.08
<u>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</u>	<u>877.666.508.651</u>	<u>906.127.649.756</u>	<u>818.256.254.327</u>								
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-							
II. Tài sản cố định	877,661,508,651	904,175,484,749	818,251,254,327	26,513,976,098	4.78					85,924,230,422	20.20
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-								
IV. Các khoản đầu tư TCDH	5,000,000	5,000,000	5,000,000								
V. Tài sản dài hạn khác	0	1,947,165,007	0	1,947,165,007	0.35					1,947,165,007	0.46
TỔNG CỘNG TÀI SẢN											
NGUỒN VỐN											
<u>A. NỢ PHẢI TRẢ</u>	<u>805.310.991.493</u>	<u>1.327.232.838.431</u>	<u>1.620.052.988.011</u>								
I. Nợ ngắn hạn	528,362,235,387	1,069,201,816,214	1,406,284,862,386			540,839,580,827	97.45			337,083,046,172	79.26
II. Nợ dài hạn	276,948,756,106	258,031,022,217	213,768,125,625	18,917,733,889	3.41			44,262,896,592	10.41		
<u>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</u>	<u>621.229.572.897</u>	<u>535.690.765.883</u>	<u>481.177.245.247</u>								
I. Vốn chủ sở hữu	621,229,572,897	534,954,489,557	481,057,703,821	86,275,083,340	15.55			53,896,785,736	12.67		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác.	0	736,276,326	119,541,426			736,276,326	0.13	616,734,900	0.15		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,426,540,564,372	1,862,923,604,314	2,101,230,233,258	554,974,696,551	100	554,974,696,551	100	425,305,921,031	100	425,305,921,031	100

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Qua phân tích diễn biến nguồn vốn năm 2009 cho ta thấy tổng diễn biến nguồn vốn của công ty là 544.974.696.551đ (100%). Vốn của doanh nghiệp được hình thành từ các nguồn sau:

Chủ yếu là do nợ ngắn hạn, cụ thể là 540.839.580.827đ chiếm 97,45%. Nhất là khoản vay ngắn hạn và khoản vay trả người bán. Đây là nguồn chiếm tỷ trọng lớn nhất chứng tỏ doanh nghiệp đang tạo niềm tin cho người bán. Khoản này chủ yếu được đầu tư vào sản xuất kinh doanh, như là thanh toán cho nhà cung ứng khi mua nguyên vật liệu và khoản tiền mặt để đảm bảo khả năng thanh toán...

Từ các TSLĐ khác bao gồm khoản tạm ứng chi phí trả trước và các khoản thế chấp, ký quỹ ký cược chiếm 1,54% tương đương với số tiền 8.254.616.366đ.

Ngoài ra còn từ tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 0,88% tương đương 4.874.223.014đ.

Cuối cùng là hình thành từ nguồn kinh phí và quỹ khác với tỷ trọng 0,13% tương đương với số tiền 736.276.326đ

Như vậy phân tích diễn biến nguồn vốn của doanh nghiệp cho ta thấy đa số nguồn vốn của doanh nghiệp được hình thành từ khoản rất cơ bản, đó là vay ngắn hạn.

Xét về tổng sử dụng vốn của doanh nghiệp trong kỳ cho thấy tổng sử dụng vốn của doanh nghiệp là 544.974.696.551đ. Trong đó vốn của công ty được sử dụng vào các khoản sau:

Được sử dụng nhiều nhất hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn 52,49% tương đương với số tiền 291.324.504.971đ. Đây là khoản chi lớn nhất của công ty đó là do giá thép phế liệu tăng cao, khan hiếm kéo theo các nguyên vật liệu dự trữ trong kho nhiều để đảm bảo cho quá trình sản xuất tức thời.

Cung cấp tín dụng cho khách hàng 23,42% tương đương với số tiền 129.996.233.246đ, cũng chiếm một tỷ trọng lớn làm cho nguồn vốn doanh nghiệp giảm xuống.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 15,55% tương đương 86.275.083.340đ. Chủ yếu để bù đắp lợi nhuận chưa phân phối.

Dùng vào việc trả nợ dài hạn 18.917.733.889đ chiếm 3,41%. Ngoài ra doanh nghiệp còn dùng đầu tư TSCĐ với tỷ trọng 4,78% và tài sản dài hạn khác 0,35%.

Phân tích tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp năm 2009 cho ta thấy doanh nghiệp sử dụng vốn chưa hiệu quả, vốn bị ứ đọng nhiều, khả năng thanh toán không được bảo đảm thanh toán vì lượng tiền mặt giảm đi. Hoạt động kinh doanh của công ty không tốt, lợi nhuận chưa phân phối luôn làm nguồn vốn bị giảm.

Qua bảng kiểm kê diễn biến nguồn vốn năm 2010 ta thấy tổng diễn biến nguồn vốn của doanh nghiệp 425.305.921.031đ (100%). Vốn của doanh nghiệp được hình thành từ các nguồn sau:

Vẫn chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn chiếm 79,26% tương đương với 337.083.046.172đ. Đây là nguồn hình thành lớn nhất của doanh nghiệp.

TSCĐ là 20,20% tương đương với số tiền 85,924,230,422đ. Đây cũng được coi là nguồn hình thành tương đối lớn của doanh nghiệp. Chứng tỏ khoản trích khấu hao tài sản cố định của năm 2010 lớn hơn năm 2009.

Ngoài ra hình thành từ tài sản dài hạn khác tỷ trọng 0,46% tương đương với số tiền là 1.947.165.007đ. và TSLĐ khác là 0,08% tương đương với số tiền 351.479.430đ.

Như vậy nguồn vốn của doanh nghiệp chủ yếu được hình thành từ khoản vay ngắn hạn chứng tỏ doanh nghiệp chưa chủ động về mặt tài chính.

Xét về tổng sử dụng vốn của doanh nghiệp trong kỳ cho thấy tổng sử dụng vốn của doanh nghiệp là 425.305.921.031đ (100%). Trong đó vốn của công ty được sử dụng vào các khoản sau:

Cung cấp tín dụng cho khách hàng là 61,14% ứng với số tiền 260.033.735.609đ. Đây là khoản chi lớn nhất trong các khoản chi của doanh nghiệp.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Dùng để mua nguyên vật liệu làm hàng tồn kho tăng 14,36% ứng với số tiền là 61.053.759.573đ.

Để tăng lượng tiền mặt là 5.442.008.621đ chiếm 1,28%. Lượng tiền này dùng để đảm bảo thanh toán cho doanh nghiệp.

Dùng để bù đắp tình hình kinh doanh bị thua lỗ một khoản là 12,67% tương đương với số tiền 53.896.785.736đ. Ngoài ra chi vào kinh phí và quỹ khác 616.734.900đ (0,15%).

Như vậy nguồn vốn của doanh nghiệp chủ yếu là dùng vào việc cung cấp tín dụng cho khách hàng và mua nguyên vật liệu

2.2.2. Phân tích các hệ số tài chính đặc trưng

2.2.2.1. Các chỉ số về khả năng thanh toán

Bảng 2.9. Bảng hệ số chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Các khoản phải thu	291.618.138.212	421.614.371.458	681.648.107.067
2	Các khoản phải trả	805.310.991.493	1.327.232.838.431	1.620.052.988.011
3	Tỷ số khoản phải thu so với các khoản phải trả (1)/(2)	0,36	0,32	0,42
4	Tổng tài sản	1.426.540.564.372	1.862.923.604.314	2.101.230.233.258
5	Hệ số khả năng thanh toán quát (H_{tq}) (4)/(2)	1,77	1,40	1,29

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

6	TSLĐ và ĐTNH	548.874.055.721	956.795.954.558	1.282.973.978.931
7	Tổng nợ ngắn hạn	528.362.235.387	1.069.201.816.214	1.406.284.862.386
8	Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (H_{ht}) (6)/(7)	1,04	0,89	0,91
9	Hàng tồn kho	219.896.857.043	511.221.362.014	572.275.121.587
10	Hệ số khả năng thanh toán nhanh (H_n) (6-9)/(7)	0,58	0,40	0,49
11	Lợi nhuận trước thuế		(47.675.881.778)	(43.202.071.143)
12	Lãi vay phải trả trong kỳ		121.147.387.252	87.155.179.583
13	Hệ số thanh toán lãi vay (11-12)/(12)		0,61	0,51

- Tỷ lệ các khoản phải thu so với các khoản phải trả giảm từ 37% xuống còn 32% năm 2009 và lại tăng lên 42% năm 2010, cho thấy khoản vốn đơn vị bị chiếm dụng trong năm 2010 có chiều hướng tăng lên. Công ty đã cố gắng giảm cả khoản nợ phải trả, nhưng công ty cũng để các khoản phải thu gia tăng quá lớn. Nhưng trong cả 3 năm tỷ lệ này đều nhỏ hơn 100% cho thấy số vốn công ty đi chiếm dụng các công ty khác nhiều hơn số vốn bị chiếm dụng.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

- Qua 3 năm ta thấy khả năng thanh toán tổng quát của 3 năm đều lớn hơn 1, chứng tỏ doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán. Cụ thể là năm 2008 cứ 1 đồng đi vay có 1,77đ đảm bảo. Hệ số này giảm xuống đối với năm 2009 là cứ 1 đồng đi vay chỉ còn 1,40đ đảm bảo do các khoản nợ ngắn hạn tăng. Năm 2010 hệ số này lại tiếp tục giảm còn 1,29 có nghĩa là 1 đồng đi vay chỉ còn được đảm bảo bằng 1,29 cũng do nợ ngắn hạn tăng lên. Như vậy hệ số thanh toán tổng quát của doanh nghiệp là tốt nhưng đang có xu hướng giảm, doanh nghiệp cần có biện pháp khắc phục
- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời: khả năng thanh toán của công ty ở năm 2009 thấp hơn so với năm 2008 cụ thể là ở năm 2008 thì 1đ nợ ngắn hạn được đảm bảo bằng 1,04đ tài sản lưu động thì đến năm 2009, 1đ nợ ngắn hạn chỉ được đảm bảo bằng 0,89đ tài sản lưu động do khoản nợ ngắn hạn tăng Mặc dù, sang năm 2010 1đ nợ đã được đảm bảo bằng 0,91đ TSLĐ nhưng vẫn thấp so với năm 2008. Như vậy khả năng thanh toán của doanh nghiệp là thấp là do các khoản vay ngắn hạn của công ty chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ phải trả. Đây là hệ quả tất yếu của việc vốn điều lệ của công ty thấp nên công ty chỉ vay được những ngắn hạn từ ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh mà không đủ điều kiện để vay được các khoản vay dài hạn. Mặt khác các khoản phải thu và hàng tồn kho lại chiếm tỷ trọng lớn còn lượng tiền mặt tồn quỹ của doanh nghiệp lại nhỏ vì vậy mà làm cho khả năng thanh toán tạm thời của doanh nghiệp thấp.
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh thể hiện khả năng doanh nghiệp chuyển nhanh thành các loại tài sản lưu động để trả nợ. Năm 2008, hệ số thanh toán nhanh bằng 0,58 cho thấy khả năng thanh toán của công ty rất cao nhưng đến năm 2009 thì hệ số này giảm xuống còn 0,40 nguyên nhân là do tiền giảm. Đến năm 2010 thì hệ số này tăng nhẹ lên đến 0,49, có thể nói tình hình tài chính đang được cải thiện.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Nhìn chung, trong cả 3 năm hệ số thanh toán nhanh của công ty đều nhỏ hơn 1 đồng nghĩa với việc công ty vẫn gặp khó khăn về tài chính. Vì vậy công ty cần phân đầu để cải thiện tình hình này.

- Khả năng thanh toán lãi vay: qua kết quả 2 năm ta thấy khả năng trả lãi vay của công ty có chiều hướng giảm. Năm 2009 thì 1đ tiền lãi được đảm bảo bằng 0,61đ thu nhập trước thuế. Sang năm 2010 thì 1đ tiền lại chỉ đảm bảo bằng 0,51đ thu nhập trước thuế. Cho thấy công ty không đảm bảo khả năng trả lãi vay.

2.2.2.2. Các hệ số đòn bẩy tài chính

Bảng 2.10. Bảng hệ số đòn bẩy tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Nợ phải trả	805.310.991.493	1.327.232.838.431	1.620.052.988.011
2	Tổng nguồn vốn	1.426.540.564.372	1.862.923.604.314	2.101.230.233.258
3	Hệ số nợ (%) (1/2)*100	56	71	77
4	NVCSH	621.229.572.897	535.690.765.883	481.177.245.247
5	Tỷ số tài trợ (%) (4/2)*100	44	29	23
6	TSCĐ và ĐTDH	877.666.508.651	906.127.649.756	818.256.254.327
7	Tỷ suất đầu tư (%) (6/2)*100	61	48	39
8	Tỷ suất tự tài trợ (%) (4/6)*100	69,8	59,1	58,8

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Qua bảng phân tích trên ta thấy trong năm 2008 cứ 100 đồng vốn của doanh nghiệp thì doanh nghiệp sử dụng 56 đồng vay nợ. Năm 2009 thì cứ 100 đồng của doanh nghiệp thì vốn doanh nghiệp thì doanh nghiệp sử dụng 71 đồng vốn vay. Việc hệ số nợ tăng lên là do nguồn nợ phải trả tăng lên 65% và chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn, cụ thể vay ngắn hạn tăng lên 102% nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh khi giá nguyên vật liệu tăng lên. Năm 2010 thì cứ 100 đồng vốn thì doanh nghiệp đã sử dụng 77 đồng vốn vay. Việc hệ số nợ tăng tiếp tục là do nợ phải trả tăng 22% và chủ yếu là do nợ ngắn hạn tăng 32% , mặc dù doanh nghiệp đã trả bớt được khoản vay dài hạn, cụ thể vay dài hạn đã giảm 17%.

Trong năm 2008 cứ 100 đồng vốn của doanh nghiệp thì doanh nghiệp sử dụng 44 đồng vốn chủ hữu. Đến năm 2009 thì hệ số này tăng lên tỷ suất tự tài trợ giảm xuống còn 29%. Kết quả này cho thấy hệ số giảm xuống chứng tỏ mức độ độc lập của doanh nghiệp giảm xuống, đòi hỏi doanh nghiệp phải cân nhắc thật kỹ lưỡng trước khi thực hiện một dự án đầu tư phát triển kinh doanh. Tuy nhiên nếu doanh nghiệp sử dụng vốn vay có hiệu quả thì hệ số nợ cao lại có lợi vì sử dụng một lượng tài sản lớn mà chỉ đầu tư một lượng vốn nhỏ, đây là chính sách tài chính để các nhà đầu tư gia tăng lợi nhuận bởi trong nền kinh tế thị trường, hệ số nợ được coi là đòn bẩy tài chính, nó được sử dụng để điều chỉnh doanh lợi vốn chủ sở hữu trong các trường hợp cần thiết. Nhưng lợi nhuận của năm 2009 và năm 2010 là giảm chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng chưa tốt vốn vay. Năm 2010 hệ số này lại giảm xuống 23% chứng tỏ khả năng chủ động tài chính đang có xu hướng giảm mạnh vì vậy trong thời gian tới doanh nghiệp cần có biện pháp khắc phục.

Tỷ suất đầu tư năm 2008 là 61%, tuy nhiên tỷ suất này giảm xuống ở năm 2009 còn 48%, đó là do khoản tài sản cố định ngày càng giảm xuống nhưng số tổng nguồn vốn ngày càng tăng lên vì vậy mà hệ số này giảm xuống ở năm 2009 và năm 2010 cũng vậy tỷ số này giảm xuống còn 39%.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Tỷ suất tự tài trợ năm 2008 giảm so với năm 2008, cụ thể là năm 2008 tỷ suất tự tài trợ là 69,8% nhưng tới năm 2009 tỷ suất này giảm xuống 59,1%. Và cho tới năm 2010 tỷ suất này tăng lên là 58,8%. Tỷ suất tự tài trợ các năm gần đây có xu hướng giảm là do nguồn vốn chủ sở hữu ngày càng giảm.

2.2.2.3. Các chỉ số hoạt động

Bảng 2.11. Bảng tính các chỉ số hoạt động

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Chênh lệch	
				±	%
1	Giá vốn hàng bán	2.305.585.501.091	2.092.338.110.604	-213.247.390.487	-9,25
2	Hàng tồn kho bình quân	395.664.143.047	541.748.241.801	146.084.098.754	37
3	Vòng quay hàng tồn kho (vòng) (1)/(2)	6,31	3,86	-2,45	-38,8
4	Số ngày một vòng quay hàng tồn kho (ngày) 360/(3)	57	93	36	63
5	Doanh thu thuần	2.412.509.150.888	2.175.465.365.942	-237.043.784.964	-9,8
6	Bình quân các khoản phải thu	356.616.254.835	551.631.239.263	195.014.984.428	55
7	Số vòng quay các khoản phải thu (Vòng) (5)/(6)	6,76	3,94	-2,82	42
8	Kỳ thu tiền trung bình (ngày) 360/(7)	53	91	38	72

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

9	Vốn lưu động bình quân	757.335.005.140	1.124.384.966.745	367.049.961.605	48
10	Vòng quay vốn lưu động (Vòng) (5)/(9)	3,19	1,93	-1,26	-40
11	Số ngày vòng quay vốn lưu động (ngày) 360/(10)	113	187	74	66
12	Vốn cố định bình quân	891.897.079.204	862.191.952.042	-29.705.127.162	-3
13	Hiệu quả sử dụng vốn cố định (5)/(12)	2,71	0,52	-2,19	-81
14	Vốn sản xuất bình quân	1.644.727.048.048	1.982.071.918.491	337.344.834.443	21
15	Vòng quay toàn bộ vốn (vòng) (5)/(14)	1,47	1,10	-0,37	25

Qua bảng phân tích trên ta thấy vòng quay hàng tồn kho giảm kéo theo đó là số ngày 1 vòng quay hàng tồn kho tăng. Cụ thể năm 2009 số vòng quay của hàng tồn kho là 6,31vòng, năm 2010 là 3,86 vòng. Nguyên nhân chính là do hàng tồn kho tăng, khả năng giải phòng hàng tồn kho thấp, giảm khả năng thanh toán, vốn bị ứ đọng.

Vòng quay các khoản phải thu có xu hướng giảm kéo theo kỳ thu tiền trung bình tăng. Cụ thể năm 2009 là 6,76 vòng, năm 2010 là 3,94 vòng, kỳ thu tiền trung bình tăng từ 53 ngày đến 91 ngày. Chứng tỏ tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp chậm. Vì các khoản thu của doanh nghiệp chủ yếu là các khoản phải thu khách hàng vì vậy mà số vòng quay các khoản phải thu khách hàng

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

ngày càng giảm và kỳ thu tiền các khoản phải thu khách hàng ngày càng tăng. Như vậy khả năng thu hồi công nợ của doanh nghiệp còn thấp.

Vòng quay vốn lưu động và số ngày vòng quay vốn lưu động của năm 2009 là 3,19 tức là 1 đồng vốn lưu động bỏ ra kinh doanh thu về 3,19 đồng doanh thu thuần và tương ứng với 113 ngày. Đến năm 2010 thì số vòng quay vốn lưu động giảm xuống còn 1,93 vòng tức là bỏ ra 1 đồng vốn lưu động thì thu được về 1,93 đồng doanh thu thuần và tương ứng với 187 ngày. Nguyên nhân là do doanh thu thuần giảm 9,83% và vốn lưu động bình quân tăng.

Hiệu quả sử dụng vốn cố định năm 2009 là 2,71 có nghĩa là cứ đầu tư trung bình 1 đồng vốn cố định vào tài sản xuất kinh doanh thì tạo ra được 2,71 đồng doanh thu thuần. So với năm 2009 thì năm 2010 hiệu quả sử dụng vốn cố định giảm xuống, cụ thể là năm 2010 cứ đầu tư 1 đồng vốn cố định thì chỉ thu về được 0,52 đồng doanh thu thuần. Qua đó cho thấy hiệu quả sử dụng vốn cố định của doanh nghiệp có xu hướng ngày càng giảm xuống.

Vòng quay toàn bộ vốn trong năm 2009 là 1,47 vòng và năm 2010 giảm xuống còn 1,10 vòng. Như vậy chứng tỏ doanh thu được sinh ra từ tài sản mà doanh nghiệp đầu tư vào ngày càng tăng.

2.2.2.4. Các chỉ số sinh lời

Bảng 2.12. Bảng hệ số chỉ tiêu về khả năng sinh lời

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1	Lợi nhuận trước thuế	(47.675.881.778)	(43.202.071.143)
2	Doanh thu thuần	2.412.509.150.888	2.175.465.365.942

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

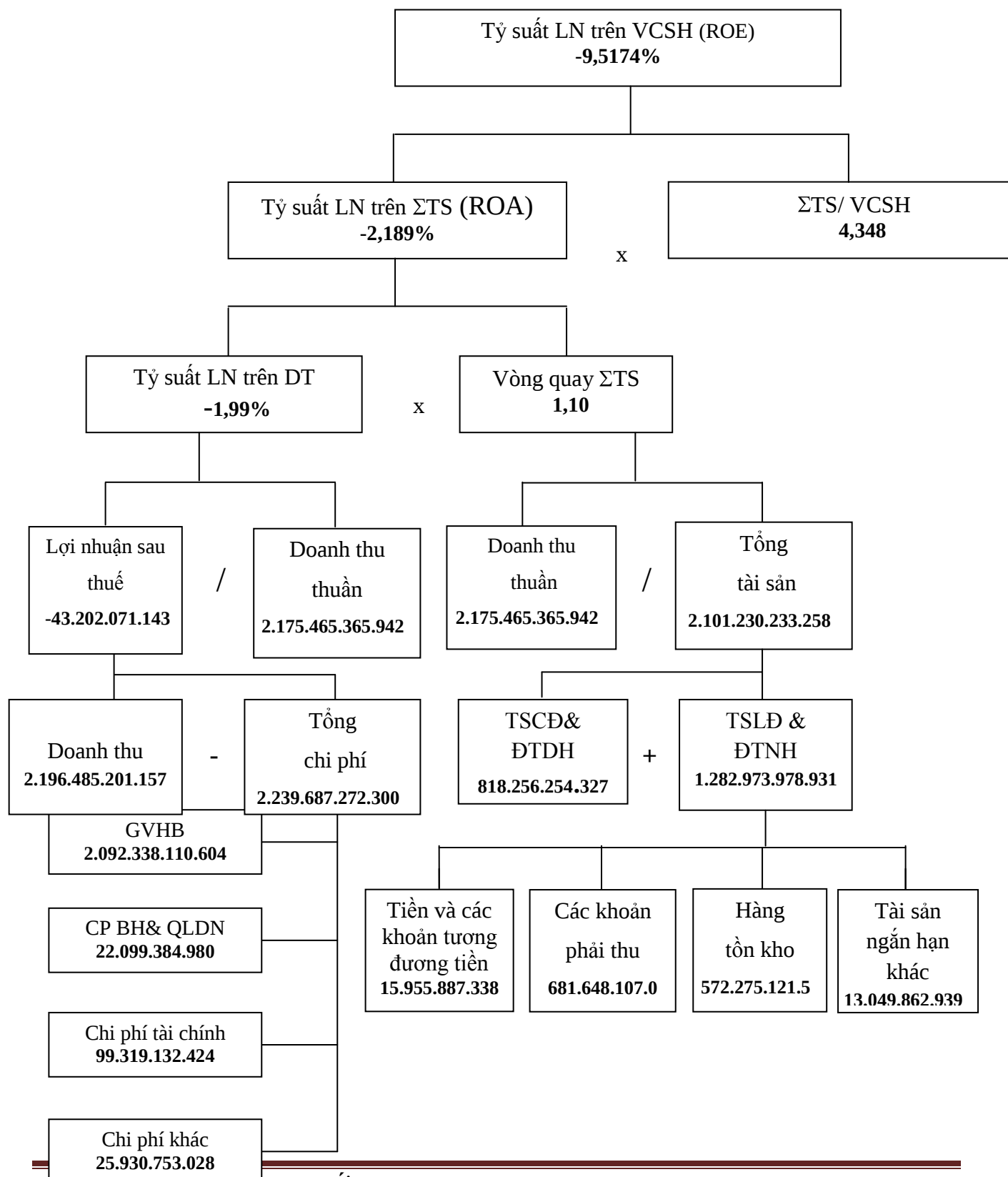
3	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%) (1/2)*100	-1,98	-1,99
4	Nguồn vốn	1.862.923.604.314	2.101.230.233.258
5	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn (%) (1/4)*100	-2,56	-2,06
6	Vốn chủ sở hữu	535.690.765.883	481.177.245.247
7	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu(%) (1/6)*100	-8,90	-8,98

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu năm 2009 là -1,98% tức là cứ 100 đồng .

Doanh thu, vốn chủ sở hữu hay nguồn vốn đều không bù đắp được cho chi phí sản xuất, tình hình sản xuất kinh doanh kém hiệu quả. Do tình hình kinh doanh của công ty qua 2 năm đều bị lỗ vốn, công ty có những biện pháp để cải thiện tình hình này.

- Phương trình DUPONT: Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu năm 2010 trên phương trình Dupont như sau:

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi



Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Từ phương trình trên ta có thể tính được:

$$ROA_{2009} = -1,98\% \times 1,47 = -2,911\%$$

$$ROA_{2010} = -1,99\% \times 1,10 = -2,189\%$$

$$ROE_{2009} = -2,911\% \times 1/(1-71\%) = -10,038\%$$

$$ROE_{2010} = -2,189\% \times 1/(1-77\%) = -9,5174\%$$

Chênh lệch giữa 2 năm 2010 và năm 2009 là

$$\Delta ROE = (-9,522\%) - (-10,034\%) = 0,52\%$$

Sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố

- Mức độ ảnh hưởng của doanh thu thuần (D)

$$\Delta(D) = (D_1 - D_0) \times V_0 \times \frac{1}{1 - N_0}$$

$$\Delta(D) = ((-1,99\%) - (-1,98\%)) \times 1,47 \times \frac{1}{1-71\%} = -0,05\%$$

Sự thay đổi của doanh thu thuần đã làm cho ROE giảm xuống 0,05%

- Mức độ ảnh hưởng của vòng quay tổng tài sản (V)

$$\Delta(V) = D_1 \times (V_1 - V_0) \times \frac{1}{1 - N_0}$$

$$\Delta(V) = (-1,99\%) \times (1,10 - 1,47) \times \frac{1}{1-71\%} = 2,54\%$$

Sự thay đổi vòng quay tổng tài sản làm cho ROE tăng lên 2,54%

- Sự ảnh hưởng của hệ số nợ (N)

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

$$\Delta(N) = D_1 \times V_1 \times \left(\frac{1}{1-N_1} - \frac{1}{1-N_0} \right)$$

$$\Delta(N) = (-1,99) \times 1,10 \times \left(\frac{1}{1-77\%} - \frac{1}{1-71\%} \right) = -1,97\%$$

Sự thay đổi hệ số nợ làm ROE giảm xuống 1,97%

- Tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng

$$\Sigma\Delta = \Delta(D) + \Delta(V) + \Delta(N)$$

$$\Sigma\Delta = (-0,05\%) + 2,54\% + (-1,97\%) = 0,52\%$$

Tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng cho ta thấy kết quả giá trị chênh lệch ROE giữa 2 năm, đồng thời cho thấy mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến ROE.

Nhân tố vòng quay tổng tài sản ảnh hưởng làm tăng mức doanh lợi vốn chủ sở hữu, đây được coi là thành tích trong việc quản lý tài sản của doanh nghiệp, trong thời gian tới doanh nghiệp cần phát huy hơn nữa vì đây là nhân tố chính là cho ROE tăng lên.

Nhân tố lợi nhuận trên doanh thu và nhân tố hệ số nợ làm cho ROE giảm. Đặc biệt nhân tố hệ số nợ là nhân tố chính là ROE giảm mạnh.

2.3. Đánh giá hoạt động tài chính của Công ty CP thép Vạn Lợi

Thông qua việc phân tích tình hình tài chính của công ty cổ phần thép vạn lợi cá nhân em có một số đánh giá về tình hình tài chính như sau:

Trong những năm gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty không tốt. Điều đó được thể hiện qua việc kinh doanh không có lãi. So với năm 2009 thì lỗ vốn ít hơn 1 khoản là 4.473.810.635đ (9,38%). Mặc dù con số này không nói lên điều gì nhưng cũng là dấu hiệu đáng mừng cho toàn bộ công ty. Công ty kinh doanh không có hiệu quả do những nguyên nhân sau:

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Công ty không có khả năng tự chủ về tài chính, trong vài năm gần đây thì doanh thu của doanh nghiệp giảm xuống và nguồn vốn chủ của doanh nghiệp cũng giảm mạnh.

Nhìn bức tranh toàn cảnh của công ty ta thấy mất sự cân đối giữa các loại tài sản, và trong mỗi loại tài sản chưa có sự phân bổ hợp lý giữa các khoản mục. Phần tài sản cố định chỉ chiếm 38,94% trong số tổng tài sản. Đối với công ty thì tỷ lệ này chưa cao và phù hợp với hình thức sản xuất của công ty. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc sản xuất kinh doanh.

Vay ngắn hạn tăng nhanh. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh. Trong những năm gần đây công ty lại phải trả lãi cho ngân hàng không nhỏ, kéo theo lợi nhuận bị giảm mạnh, cho nên việc trích lập quỹ là rất khó khăn, nguồn vốn chủ sở hữu lại chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng nguồn vốn. Điều đó chứng tỏ mức độc lập về tài chính của công ty chưa cao. Với nguồn vốn tự có của công ty không đủ trang trải cho tài sản cố định. Do đó công ty buộc phải huy động vốn từ bên ngoài để bù đắp.

Lượng hàng tồn kho chiếm nhiều nên làm cho vòng quay vốn lưu động còn nhiều hạn chế vì vậy phải có biện pháp để lượng hàng tồn kho hợp lý. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn còn chưa tốt lắm vì vậy phải nâng cao khả năng thanh toán lên cho doanh nghiệp thế nào cho hợp lý nhất.

Điều đáng quan tâm là lượng tiền của công ty luôn để dưới hình thức các khoản phải thu, phải trả là tương đối nhiều... Công ty vừa bị chiếm dụng vốn và vừa tăng cường chiếm dụng vốn. Công ty cần có biện pháp để hạn chế việc bị các doanh nghiệp khác chiếm dụng vốn.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VẠN LỢI

3.1. Phương hướng phát triển của Công ty Cổ Phần Thép Vạn Lợi

3.1.1. Tình hình chung

Năm 2010, mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Xu thế quốc tế hóa toàn cầu hóa thể hiện càng rõ rệt. Trước xu thế này ban lãnh đạo công ty đã thấy cần phải thay đổi để theo kịp sự phát triển này nếu không thì công ty sẽ không tồn tại và trong doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa. Vì thế công ty có một số thuận lợi sau:

Công tác cổ phần hóa doanh nghiệp được tiến hành vào thời điểm Đảng và Nhà nước ta ban hành nhiều chủ trương, chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với các DN Nhà nước cổ phần hóa...Đặc biệt, Đảng ta có chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại đất nước và tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới đã tạo có cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển.

Sau khi cổ phần hóa, doanh nghiệp được tổ chức hạch toán độc lập, tự tổ chức SXKD, tự hạch toán nhằm nâng cao vai trò độc lập, tự chủ, sáng tạo của tập thể CBCNV công ty, nâng cao hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp.

Với đội ngũ trên 728 cán bộ và công nhân lành nghề, trong đó có hơn 100 cán bộ công nhân viên có trình độ đại học với bề dày kinh nghiệm trong ngành sản xuất luyện thép cũng như kinh nghiệm tổ chức với quản lý điều hành sản xuất.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Nước ta đã là thành viên thứ 50 của tổ chức thương mại thế giới WTO vì vậy có thể tìm thấy những bạn hàng mới, kể cả người mua và người cung ứng vì vậy có thể tìm thấy những bạn hàng mới, kể cả người mua và người cung ứng vì vậy cán bộ công nhân viên của chúng ta ngày ngày không ngừng nỗ lực phấn đấu tìm ra được những khách hàng tiềm năng cho công ty cho công ty nhưng đây cũng là một thách thức thương hiệu lớn mạnh muốn xây dựng được thương hiệu lớn mạnh chúng ta phải nâng cao chất lượng sản phẩm và các dịch vụ sau bán hàng....

Bên cạnh những thuận lợi đó, công ty hiện nay đang đứng trước những khó khăn thách thức sau:

Cùng với xu thế phát triển của nền kinh tế thị trường tất yếu tạo ra sự cạnh tranh ngày càng gay gắt đối với tất cả các lĩnh vực, các ngành kinh tế, trong đó đặc biệt là các doanh nghiệp SXCN phải thường xuyên chú trọng về tính cạnh tranh cho sản phẩm của mình. Sự ra đời của nhiều phân xưởng luyện phôi là thách thức rất lớn đối với công ty trong điều kiện thị trường nguyên liệu đầu vào biến động bất lợi cho nhà máy sản xuất như hiện nay.

Giá cả mua vào của thép phế liệu sử dụng để sản xuất phôi thép hiện nay rất cao, trong khi nguồn cung cấp không ổn định và khan hiếm làm cho công ty đôi khi còn bị động về nguồn vật tư đầu vào cho sản xuất.

Các công ty thép là khách hàng chính của công ty hiện nay chưa giải quyết tăng giá mua vỏ bao bọc mặc dù công ty đã đề nghị tăng giá. Điều này cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn đơn hàng để sản xuất cầm chừng nhằm mục đích giữ thị trường truyền thống chứ không đáp ứng hết đơn hàng của khách hàng làm giảm sản lượng cung cấp sản phẩm ra thị trường

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

3.1.2. Phương hướng phát triển của công ty

Phát huy những thành tích đã đạt được, toàn thể CBCNV công ty CP thép Vạn Lợi đề ra những mục tiêu phấn đấu chung là:

Tăng cường đoàn kết, giữ vững mối quan hệ với các khách hàng truyền thống, tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ nhằm đổi mới hơn nữa về chất lượng sản phẩm, đổi mới về giá cả nhằm hấp dẫn, thu hút khách hàng, khai thác tối đa tiềm năng thị trường mới. Lấy sản xuất công nghiệp làm trọng tâm để phát triển.

Xây dựng đội ngũ CBCNV có đủ năng lực, trình độ quản lý, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao cho người lao động.

Quyết tâm phấn đấu xây dựng công ty trở thành đơn vị vững mạnh, toàn diện góp phần vào sự lớn mạnh của Công ty CP thép Vạn Lợi trong công cuộc mới, CNH-HĐH đất nước.

Nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu và đưa ra giá thành phù hợp công ty thép Vạn Lợi đề ra “ **Dự toán giá thành phôi thép CT51 tháng 3/2011 với lượng 13.500 tấn**”

Bảng 3.2. Bảng dự toán giá thành phôi thép CT 51

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

STT	Danh mục	ĐVT	Định mức	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ %
I	CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP				7,487,435	91.08%
1	Nguyên vật liệu chính				5,971,000	72.63%
1.1	Thép phế liệu các loại	kg	930	5300	4,929,000	
1.2	Thép ép bánh	kg	120	4100	492,000	
1.3	Gang thỏi	kg	100	5500	550,000	
2	Tiêu hao điện				546,820	6.65%
2.1	Lò điện	kWh	500	667	333,500	
2.2	Lò LF	kWh	80	667	53,360	
2.3	Điện sản xuất 6.3 kV	kWh	180	876	157,680	
2.4	Điện chiếu sáng	kWh	2.5	912	2,280	
3	Hộp kim sắt và phụ gia luyện thép				386,811	4.71%
3.1	FeMn67Si17	kg	4	12501	50,004	
3.2	FeSi75	kg	3	12501	37,503	
3.3	FeMn65	kg	2.5	13103	32,758	
3.4	SiCa	kg	0.2	21813	4,363	
3.5	C-Si bột	kg	0.6	11500	6,900	
3.6	Si bột	kg	0.35	11000	3,850	
3.7	Vôi luyện kim	kg	65	380	24,700	
3.8	Bột than antraxit& than cục	kg	10	1150	11,500	
3.9	Huỳnh thạch	kg	1	1364	1,364	
3.1	Xi 2 câu tử	kg	1	9870	9,870	
4	Vật liệu chịu lửa	USD	10.2	20000	204,000	2.48%
5	Than điện cực UHP				227,200	2.76%
5.1	Lò điện	kg	4.8	43200	207,360	
5.2	Lò LF	kg	0.8	24800	19,840	
6	Nhiên liệu và vật tư tiêu hao khác				122,804	1.49%
6.1	Dầu diesel	lít	8	7518	60,144	
6.2	Khí gas hóa lỏng	kg	1.2	13618	16,342	
6.3	Nước làm mát	m ³	1	5038	5,038	
6.4	Dầu hạt cải	kg	0.1	12374	1,237	
6.5	Trấu	kg	4.5	2090	9,405	
6.6	Nước thủy tinh	lít	0.15	2641	396	
6.7	Ông thổi oxy các loại	kg	0.02	23100	462	
6.8	Ông thép hàn các loại	kg	0.3	26250	7,875	
6.9	Thép tròn các loại	kg	0.3	7500	2,250	
6.10	Thép tấm	kg	0.05	8800	440	
6.11	Cáp các loại	kg	0.05	16000	800	
6.12	Xích các loại	kg	0.03	25000	750	
6.13	Hộp kết tinh	cái	0.0004	10620000	4,248	
6.14	Thùng xi	kg	0.2	10000	2,000	
6.15	Que hàn inox	kg	0.0003	25000	8	
6.16	Đầu súng oxy	cái	0.002	500000	1,000	
6.17	Phụ kiện bàn trượt	cái	0.0047	150000	705	
6.18	Ông cao su các loại	m	0.05	20000	1,000	
6.19	Ông hơi argon	m	0.01	50000	500	
6.20	Đầu đo nhiệt độ	cái	0.2	16000	3,200	
6.21	Nút cốc rót	cái	0.06	18000	1,080	
6.22	Tấm đệm hộp kết tinh	cái	0.03	20000	600	
6.23	Chốt rút chữ T hộp kết tinh	cái	0.03	20000	600	
6.24	Gáo múc mẫu	cái	0.003	25000	75	
6.25	Cát chèn thùng trung gian	m ³	0.01	86563	866	
6.26	Chất bảo ôn	kg	0.3	5940	1,782	
7	Thiết bị phụ kiện thay thế nhập khẩu	USD	1.44	20000	28,800	
II	LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM				108,300	1.32%
1	Lương				90,000	
2	BHXXH&BHYT				15,300	
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY				77,043	0.94%
IV	CHI PHÍ CHUNG				252,000	3.07%
V	LÃI VAY NGÂN HÀNG				296,000	3.60%
	GIÁ THÀNH PHỐI THẾP				8,220,778	100.00%

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Công ty đưa ra các định mức sản xuất phôi thép nhằm giảm bớt hao hụt nguyên liệu trong quá trình sản xuất. Do nguồn thép phế liệu hiện nay khan hiếm, tiết kiệm thép phế liệu là công tác quan trọng trong việc quản lý sản xuất. Hơn thế đưa ra định mức sản xuất và giá thành hợp lý để đưa ra giá bán hợp lý.

3.2. Một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính tại Công ty Cổ Phần Thép Vạn Lợi

3.2.1. Một số biện pháp khái quát nhằm nâng cao tình hình tài chính của doanh nghiệp

❖ Về tình hình quản lý và sử dụng vốn kinh doanh

- Tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu, giảm tỷ trọng các khoản nợ

Trong 3 năm qua nợ phải trả luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn. Nguyên nhân là do hiệu quả kinh doanh thấp, lợi nhuận làm ra ít nên vốn dùng để bổ sung ít, trong khi nhu cầu lại tăng cao, hệ quả là doanh nghiệp phải đi vay bên ngoài hoặc đi chiếm dụng của các đối tượng khác. Do đó công ty cần chú ý gia tăng tỷ lệ vốn tự có bằng cách tăng quỹ phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện khả năng thanh toán.

- Lập kế hoạch nguồn vốn lưu động

Hàng năm, doanh nghiệp phải lập kế hoạch nguồn vốn lưu động để so sánh nguồn vốn hiện có với số vốn thường xuyên cần thiết tối thiểu để xem vốn lưu động thừa hay thiếu nhằm xử lý số thừa, tổ chức huy động nguồn đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Nếu thừa phải mở rộng sản xuất kinh doanh, góp vốn liên doanh... Nếu thiếu phải tìm nguồn tài trợ, trước hết là nguồn bên trong (quỹ phát triển sản xuất kinh doanh...) rồi mới tới nguồn bên ngoài (vay ngân hàng, vay cá nhân...).

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

❖ Về tình hình công nợ và thanh toán

Công nợ của công ty qua các năm còn tồn đọng nhiều gồm cả khoản phải thu và phải trả. Công ty cần quản lý chặt chẽ và đôn đốc thanh toán đúng hạn.

Đối với các khoản phải thu: việc các khoản phải thu tăng có thể làm chậm tốc độ luân chuyển tài sản lưu động, nhưng đôi khi các khoản phải thu tăng cũng sẽ có lợi cho công ty, vì công ty đã có nhiều khách hàng, bán được sản phẩm, từ đó làm tăng doanh thu lên. Tuy nhiên, công ty cũng cần có một số biện pháp để có thể giảm bớt các khoản phải thu như: khi ký hợp đồng với khách hàng, công ty nên đưa vào một số ràng buộc trong điều khoản thanh toán hoặc một số ưu đãi nếu khách hàng trả tiền sớm. Như vậy giúp khách hàng sớm thanh toán nợ cho công ty lại vừa là hình thức khuyến mãi giúp giữ chân khách hàng lại với công ty.

Đối với khoản tạm ứng cho công nhân viên: công ty cần nhắc nhở nhân viên làm tốt việc hoàn ứng sau mỗi đợt công tác hoặc mua vật tư, nếu chậm trễ sẽ cắt khen thưởng, cắt danh hiệu thi đua...

Đối với các khoản phải trả: theo dõi sát sao từng khoản nợ ứng với từng chủ nợ, xác định khoản nào có thể chiếm dụng hợp lý, khoản nào đã đến hạn cần thanh toán nhằm nâng cao uy tín của doanh nghiệp, tăng sự tin cậy của các bạn hàng. Công ty cần chú trọng thanh toán các khoản công nợ với ngân sách nhằm thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước

❖ Về hiệu quả hoạt động kinh doanh

Thông thường, mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận, tuy nhiên việc tăng lợi nhuận phải phù hợp với bản chất nền kinh tế, phải có quan điểm đúng đắn trong việc giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích trước mắt và lợi ích

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

lâu dài. Lợi nhuận của doanh nghiệp chịu tác động của nhiều nhân tố khách quan: giá cả, thị trường, chính sách của Nhà nước về quản lý kinh tế... và chủ quan: trình độ tổ chức quản lý. Cụ thể đối với doanh nghiệp cần thực hiện các hướng sau:

- Tăng doanh thu bán hàng hợp lý, tích cực:
 - + Trên cơ sở nắm vững nhu cầu thị hiếu khách hàng, doanh nghiệp nên đa dạng hoá mặt hàng, phát huy những sản phẩm được khách hàng ưa chuộng. Phân đấu đáp ứng nhu cầu của khách hàng với giá cả hợp lý và chất lượng đảm bảo.
 - + Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra phải được tiêu chuẩn hoá để tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra. Công ty cần tìm được các đối tác cung ứng trực tiếp vật tư, nguyên vật liệu đầu vào có chất lượng tốt, ổn định và giá cả hợp lý để từ đó sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao, giá thành hợp lý đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.
 - Chú trọng công tác quảng cáo: quảng cáo là một trong những công cụ quan trọng nhất của hoạt động chiêu thị. Do đó để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khẳng định vị trí của công ty trên thương trường, công ty nên có kế hoạch cho chi phí quảng cáo khoảng 3% trên doanh thu. Thiết lập một số quảng cáo thật tốt, phù hợp với đặc điểm tình hình của sản phẩm, tổ chức khuyến mãi cho khách hàng mua với số lượng lớn để thu hút khách hàng.
 - Công ty phải xây dựng một đội ngũ marketing có trình độ và nghiệp vụ cao để tìm hiểu thị trường. Chú ý đến thị hiếu của khách hàng, chú trọng đến thị trường trong nước chứ không chỉ quan tâm đến thị trường nước ngoài
- ❖ Hạ thấp chi phí kinh doanh

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Hạ thấp chi phí kinh doanh hợp lý phải xuất phát từ quan điểm: mạnh dạn chi những khoản chi cần thiết để tăng năng suất lao động, mở rộng kinh doanh, đảm bảo phục vụ tốt cho người tiêu dùng. Đối với những khoản chi chưa cần thiết thì tạm hoãn còn chi phí nào không cần thiết thì cương quyết không chi... Trên quan điểm đó, cần phải:

- Tích cực thanh lý tài sản cũ, lạc hậu không cần dùng để đầu tư trang thiết bị mới đồng bộ hơn, cải tiến dây chuyền sản xuất để giữ ổn định chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản xuất.
 - Trong việc sử dụng vật liệu, dụng cụ cần phải tận dụng hết những vật liệu, dụng cụ sẵn có. Xây dựng mức tiêu hao hợp lý và bảo quản theo định mức đó.
 - Giảm chi phí hành chánh đến mức thấp nhất có thể được... Quản lý chi phí theo từng bộ phận để quy rõ trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc đền bù hoặc xét khen thưởng.
- Tăng cường công tác quản lý lao động

Lao động là một trong ba yếu tố không thể thiếu của quá trình sản xuất, quản lý lao động tốt góp phần không nhỏ vào sự thành đạt và phát triển của công ty. Để quản lý lao động tốt cần phải:

- Căn cứ vào nhu cầu công tác ở doanh nghiệp để tuyển dụng và bố trí lao động hợp lý, phù hợp với trình độ và khả năng của từng người. Mạnh dạn đào tạo cán bộ đủ năng lực và trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới.
- Quản lý thời gian lao động chặt chẽ, làm việc đúng giờ giấc, rèn luyện ý thức kỷ luật lao động.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

- Tạo cho người lao động những điều kiện thuận lợi nhất để làm việc , điều này liên quan đến các vấn đề cải tiến những điều kiện vệ sinh lao động nơi làm việc... Tổ chức các phòng ban gọn nhẹ, phân định chức năng quyền lực rõ ràng.

❖ Về vấn đề quản lý quỹ tiền lương:

Tiền lương là biểu hiện bằng tiền bộ phận sản phẩm xã hội mà người lao động được doanh nghiệp (người sử dụng lao động) trả để bù đắp hao phí sức lao động mà họ đã bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm tái sản xuất sức lao động và phát triển thêm đời sống vật chất lẫn tinh thần cho người lao động.

Đối với doanh nghiệp, tiền lương được sử dụng là đòn bẩy kích thích sự phát triển của doanh nghiệp, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành thuận lợi. Do đó cần chấp hành tốt chính sách, chế độ quản lý quỹ tiền lương, quỹ bảo hiểm xã hội:

+ Tính toán chính xác tiền lương và các khoản trợ cấp, bảo hiểm phải trả cho từng người lao động, thanh toán các khoản này đầy đủ và đúng thời hạn quy định cho người lao động.

+ Tính toán phân bổ chính xác, đúng đối tượng các khoản tiền lương, khoản trích bảo hiểm xã hội ... vào chi phí sản xuất kinh doanh của các đơn vị sử dụng lao động.

+ Tính toán, phản ánh và thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản thuế thu nhập và trích nộp khác.

3.2.2. Biện pháp cụ thể cải thiện tình hình tài chính của Công ty CP thép Vạn Lợi

3.2.2.1. Phương án vay vốn mua than điện cực để sản xuất phôi thép thành phẩm đồng thời thúc đẩy tiêu thụ

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

3.2.2.1.1. Cơ sở thực tiễn của biện pháp

Phôi thép thành phẩm tồn kho nhiều cụ thể là năm 2010 thành phẩm tồn kho 140.267.741.033đ. Nguyên nhân là do chất lượng phôi thép kém làm cho sản phẩm tiêu thụ của doanh nghiệp của doanh nghiệp giảm. Vì vậy doanh nghiệp cần phải đưa ra tiêu chuẩn sản xuất để nâng cao chất lượng phôi thép thành phẩm.

Bên cạnh đó, nguyên vật liệu trong năm 2010 tồn trong kho rất nhiều cụ thể là 572.275.121.587đ nhưng trong quá trình sản xuất phôi thép vẫn còn thiếu thép phế liệu và than điện cực do công ty khó khăn về tài chính.

3.2.2.1.2. Nội dung của biện pháp

Đầu năm 2011 do thiếu vốn công ty đưa ra phương án kinh doanh vay vốn ngân hàng Techcombank để mua than điện cực để cho dây chuyền sản xuất đảm bảo. Công ty đưa ra phương án mua 35 000 tấn than điện cực tương đương với số tiền là 9.184.500.000đ trong đó vốn tự có, huy động khác là 1.836.900.000đ còn lại công ty vay ngân hàng số tiền 7.347.600.000đ vay trong thời gian 9 tháng. Để giảm bớt đi nguyên vật liệu tồn trong kho, công ty quyết định đề ra phương án vay vốn mua than điện cực để sản xuất phôi thép thành phẩm theo tiêu chuẩn chất lượng công ty đã đề ra nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và đưa lượng phôi thép kém chất lượng tồn trong kho tái sản xuất lại để khắc phục hàng bị trả lại do kém chất lượng.

Dưới đây là những tiêu chuẩn thép mà công ty đã áp dụng vào nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm:

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Tiêu chuẩn	Mác thép	Thành phần hóa học						Cơ tính			Đặc tính uốn	
		C	Mn	Si	P	S	Carbon equivalent	Giới hạn chảy N/mm ²	Giới hạn bền N/mm ²	Độ dẫn dài %	Độ giãn dài %	Bán kính uốn (mm)
JIS G3112 (Nhật Bản)	SD 30B	0,27max	1,5max	0,55max	0,04max	0,04max	-	295-390	440min	16min với D<25 18min với D>25	180°	1,5D với D<16 2D với D>16
	SD 35	0,27max	1,6max	0,55max	0,04max	0,04max	0,55max	345-440	490min	18min với D<25 20min với D>25	180°	
	SD 40	0,29max	1,8max	0,55max	0,04max	0,04max	0,55max	390-510	560min	16min với D<25 18min với D>25	180°	2,5D
	SD 50	0,32max	1,8max	0,55max	0,04max	0,04max	0,55max	490-625	620min	12min với D<25 14min với D>25	180°	2,5D với D<25 3D với D>25
ASTM A615- 06A (Mỹ)	Grade	-	-	-	0,06max	0,055max	-	280min	420min	D10,13:11min D16,19:12min	180°	D10,13,16:3,5D D19: 5D
	Grade60	0,18-	0,15-	0,4- 0,61	0,045max	0,05max	-	420min	620min	D10,13:9min	180°	D10,13,16:3,5D

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

		0,25	0,25							D22,25:8min D29,32:7min		D19,22,25:5D D29,32:7D
JIS G3505 (Nhật Bản)	CWRM6	0,08max	0,6max	-	0,45max	0,45max	-	240min	380min	25min	180°	0,25D
	CWRM8	0,10max	0,8max	-	0,45max	0,45max	-	300min	500min	19min	180°	1,5D
	CWRM1 2	0,08- 0,13	0.3-0,6	-	0,45max	0,45max	-	400min	600min	14min	180°	1,5D
	CWRM1 5	0,13- 0,18	0.3-0,6	-	0,45max	0,45max	-	600min	900min	6min	180°	1,5D

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Đồng thời với lượng thành phẩm mới sản xuất được và tái sản xuất công ty đưa ra các biện pháp để thúc đẩy hoạt động tiêu thụ, giảm bớt thành phẩm tồn kho.

Tiến hành quảng cáo các mặt hàng của công ty trên các phương tiện thông qua đại chúng. Như trên các trang web hay trên đài báo địa phương và tên các trang báo về kinh tế như báo kinh tế.

Cụ thể là chi phí lập website là 10.000.000đ và trên các báo kinh tế như quảng cáo logo, các bài viết PR (4 bài/tháng) chi phí là 34.000.000đ.

Muốn tiêu thụ được hàng và tạo uy tín trên thị trường thì công ty cần củng cố tổ chức nhân sự và trang bị phương tiện hiện đại cho bộ phận kiểm tra chất lượng có đủ năng lực để kiểm tra sản phẩm trước khi giao cho khách hàng.

Tăng cường thêm bộ phận kinh doanh để giúp doanh nghiệp nhanh chóng tiếp cận với thị trường với tiếp cận trực tiếp với khách hàng. Doanh nghiệp có thể linh động trong việc trao đổi mua bán giữa các doanh nghiệp như: doanh nghiệp có thể trở thành người mua và đồng thời là người bán đối với nhiều doanh nghiệp. Doanh nghiệp đưa ra chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua bán với khách hàng truyền thống như chính sách thanh toán, giá cả, vận chuyển... Đối với khách hàng tiềm năng thì thực hiện các biện pháp thúc đẩy công tác tìm kiếm như đưa ra các mức % thỏa đáng cho nhân viên nếu tìm được hợp đồng cho công ty...

3.2.2.1.3. Dự kiến kết quả

Khi công ty có vốn để mua than điện cực thì dây chuyền sản xuất phôi thép được đảm bảo đủ nguyên liệu để sản xuất, giảm bớt nguyên liệu tồn kho

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

385.700.000.000đ đồng thời làm cho doanh thu của công ty tăng lên khoảng 20%.

3.2.2.1.4. Dự tính chi phí

Chi phí sản xuất từ 1 tấn than điện cực

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Chi phí nguyên vật liệu chính	10.000.000
2	Chi phí nhân công, BHXH	55.000
3	Chi phí nhiên vật liệu	550.000
4	Chi phí vật liệu chịu lửa	220.000
5	Chi phí Fero silic	250.000
6	Khấu hao cơ bản	178.853
7	Chi phí khác phục vụ sản xuất	13.333
8	Chi phí bán hàng, vận chuyển, bốc dỡ	70.000
9	Chi phí quản lý	50.000
10	Bảo hiểm lãi vay cố định	6.300
11	Tiền thuê đất	80.000
12	Chi phí khác	1.000
13	Lãi vay ngân hàng cho p/a	25.979
14	Thuế VAT phải nộp	260.664

Chi phí ngoài

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
-----------------	----------------

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Chi phí quảng cáo	44.000.000
Chi phí bảo dưỡng	90.000.000
Chi phí cho bộ phận kiểm tra chất lượng	50.000.000
Chi phí cho công tác tìm kiếm khách hàng	120.000.000
Cộng	304.000.000

3.2.2.1.5. Dự kiến kết quả và so sánh với giá trị khi chưa thực hiện biện pháp

Chỉ tiêu	Trước khi thực hiện	Sau khi thực hiện	Chênh lệch
Doanh thu	2.335.299.857.298	2.825.299.857.298	490.000.000.000
Chi phí	2.378.501.928.441	2.790.795.443.441	412.293.515.000
Lợi nhuận	(43.202.071.143)	34.504.413.857	77.706.485.000
ROA(%)	-2,189	1,616	3,805
ROE(%)	-9,517	4,118	13,635

Phương án vay vốn và thúc đẩy tiêu thụ đã làm cho lợi nhuận của công ty tăng lên 77.706.485.000

Tỷ suất sinh lợi tổng tài sản tăng. Trước khi thực hiện 100 đồng tài sản thì doanh nghiệp bị lỗ 2,189 đồng, sau khi thực hiện thì 100 đồng tài sản sinh ra 1,616 đồng lợi nhuận sau thuế như vậy tăng lên 3,8045 đồng.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Tỷ suất sinh lợi vốn chủ sở hữu tăng. Trước khi thực hiện 100 đồng vốn chủ sở hữu thì doanh nghiệp bị lỗ 9,5174 đồng, sau khi thực hiện là 4,118 đồng lợi nhuận sau thuế như vậy tăng lên 13,635 đồng.

3.2.2.2. Giảm lượng nguyên vật liệu tồn kho

3.2.2.2.1. Cơ sở thực tiễn của biện pháp

Qua bảng cân đối kế toán ta thấy lượng hàng tồn kho năm 2008 là chiếm 15,71% trong tổng giá trị tài sản. Lượng hàng tồn kho năm 2009 là chiếm 27,44% trong tổng giá trị tài sản, . Lượng hàng tồn kho năm 2010 là chiếm 27,24% trong tổng giá trị tài sản, Ta thấy tình hình tồn kho của doanh nghiệp rất nhiều mà chủ yếu là nguyên vật liệu và thành phẩm, dẫn tới việc vốn bị ứ đọng và công ty phải trả một khoản chi phí cho việc bảo quản lượng hàng tồn kho đó.

Theo biên bản kiểm kê nguyên vật liệu năm 2010 ta có số NVL tồn kho các loại, các NVL này không đủ tiêu chuẩn để sản xuất phôi thép có chất lượng, đúng quy cách hay nói cách khác là khi sản xuất sẽ đưa ra sản phẩm kém chất lượng. Giá trị của những nguyên liệu này tại thời điểm kiểm kê là 60.763.437.498đ, số thành phẩm kém chất lượng 100.245.564.767đ. Số lượng nguyên vật liệu và thành phẩm này sẽ làm tăng giá trị hàng tồn kho, dẫn tới ứ đọng vốn và làm tăng chi phí sử dụng vốn.

Ngoài ra theo bảng thuyết minh báo cáo tài chính thì trong năm 2009 hàng bán trả lại chỉ có 41.551.807.269đ nhưng đến năm 2010 thì hàng bán bị trả lại tăng lên đến 159.604.146.612đ. Nguyên nhân là do thành phẩm kém chất lượng.

3.2.2.2.2 Nội dung của biện pháp

Chỉ nhập nguyên vật liệu đúng chủng loại, đúng tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng. Những nguyên vật liệu, thành phẩm nào không đúng tiêu chuẩn, không

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

phù hợp với quá trình sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp cần tiến hành thanh lý. Điều đó làm giảm lượng hàng tồn kho và giảm vốn kinh doanh dự trữ vào nguyên liệu và thành phẩm. Kết quả làm giảm chi phí vốn và đồng thời lấy đồng vốn này đầu tư vào việc khác đem lại hiệu quả cao hơn.

Ngoài ra các sản phẩm dở dang cần phải đưa vào sản xuất một cách nhanh chóng, tránh để lâu trong kho. Khâu này làm tốt sẽ giảm trọng lượng hàng tồn kho trong công ty.

Lượng thành phẩm tồn kho nhiều sẽ gây ứ đọng vốn cho doanh nghiệp, phải mất chi phí bảo quản thành phẩm. Cách giải quyết tốt nhất là thúc đẩy công tác tìm kiếm khách hàng để bán thành phẩm kém chất lượng..

3.2.2.2.3 Dự kiến kết quả

Thanh lý được hết các nguyên liệu không phù hợp với quá trình sản xuất và thành phẩm kém chất lượng với 60-90% giá trị thực tế. Giảm được chi phí lưu kho, lưu bãi khoảng được 905.045.011đ.

3.2.2.2.4. Dự tính chi phí

Khi muốn thực hiện các biện pháp giảm hàng tồn kho chúng ta phải tiến hành quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành thanh lý các nguyên vật liệu không phù hợp. Dự kiến chi phí này chi phí này chiếm khoảng 1% tổng giá trị hàng tồn kho giảm.

Chỉ tiêu	Số tiền (đ)
Chi phí quảng cáo	120.365.648
Chi phí bán hàng, thanh lý	451.918.474
Tổng	572.275.122

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

3.2.2.2.5. Dự kiến kết quả và so sánh với giá trị khi chưa thực hiện biện pháp

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Trước khi thực hiện	Sau khi thực hiện	Chênh lệch giá trị
Doanh thu (đồng)	2.335.299.857.298	2.456.056.608.997	120.756.751.699
Tổng chi phí	2.378.501.928.441	2.418.376.409.088	39.874.480.647
Lợi nhuận (đồng)	(43.202.071.143)	37.680.199.909	80.882.271.052
Vòng quay Hàng tồn kho (vòng)	3,86	4,97	1,11
Số ngày 1 vòng quay HTK	93	73	-20
ROA(%)	-2,189	1,761	3,95
ROE(%)	- 9,517	7,259	16.776

Vòng quay hàng tồn kho tăng lên làm cho doanh thu tăng lên và đồng thời làm cho lợi nhuận cũng tăng theo. Như vậy làm cho tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản tăng lên. Trước khi thực hiện 100 đồng tài sản thì doanh nghiệp bị lỗ 2,189đ, sau khi thực hiện là 1,761đồng.

Tỷ suất sinh lợi vốn chủ sở hữu tăng. Trước khi thực hiện 100đồng vốn chủ sở hữu thì doanh nghiệp bị lỗ 9,5174 đồng, sau khi thực hiện là 7,259đồng lợi nhuận sau thuế như vậy tăng lên 16,776 đồng.

3.2.2.3. Thu hồi các khoản phải thu khách hàng cho công ty

3.2.2.3.1. Cơ sở thực tiễn của biện pháp

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Qua bảng cân đối kế toán ta thấy khoản phải thu khách hàng năm 2008 là 108.088.258.717đ chiếm 7,58%, các khoản phải thu khách hàng năm 2009 là 242.506.448.604đ chiếm 13,02%, Các khoản phải thu khách hàng năm 2010 là 264.533.320.782đ chiếm 12,59%.

Ta thấy khoản phải thu khách hàng của doanh nghiệp khá lớn và nhất là khoản phải thu khách hàng vì vậy doanh nghiệp phải có biện pháp để thu hồi công nợ để tăng thêm vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm chi phí do công ty thiếu vốn phải đi vay ngân hàng.

3.2.2.3.2. Nội dung của biện pháp

Công ty cần phân loại rõ ràng: đối với những khách hàng có khả năng thanh toán là đảm bảo thì việc cho nợ lại của doanh nghiệp sẽ giúp cho việc bán hàng được thuận lợi và doanh nghiệp có thể giữ được khách hàng, còn đối với những khách hàng khả năng thanh toán thấp, thường kéo dài thời gian trả nợ thì doanh nghiệp cần có biện pháp hữu hiệu để giảm công nợ, thu hồi các khoản phải thu như:

Khuyến khích khách hàng trả nợ nhanh bằng việc hưởng 1 tỷ lệ thanh toán nhất định khi trả nợ sớm, trước thời hạn hợp đồng. Tùy thuộc vào giá trị hợp đồng mà công ty có thể cho khách hàng hưởng với tỷ lệ 0,05% tới 1% tổng giá trị hợp đồng.

Thực hiện chính sách vốn lưu động chặt chẽ, giảm tới mức thấp nhất các khoản phải thu, nâng cao vòng quay các khoản phải thu

Lập ra ban thu hồi công nợ với nhiệm vụ chính là thúc dục khách hàng đã tới hạn trả tiền hàng bằng cách gọi điện thoại tới khách hàng hoặc trực tiếp tới nơi của khách hàng để thu nợ đối với những khách hàng khó thu các khoản nợ và cơ

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

chế khuyến khích động viên, khen thưởng với tỷ lệ thích hợp cho ban thu hồi công nợ nếu việc thu hồi công nợ đạt hiệu quả cao.

3.2.2.3.3. Dự tính chi phí

Khi ban thu nợ làm việc sẽ phát sinh các khoản chi phí như chi phí đi lại, điện thoại dự tính là 0,02% giá trị thu hồi được, chi phí khen thưởng tương ứng với tỷ lệ là 0,06% giá trị thu hồi được, chi phí cho khách hàng trả cho khách hàng hưởng với tỷ suất 0,05% tới 0,1%...

Chỉ tiêu	Số tiền
Chi phí đi lại, điện thoại	54.531.849
Chi phí cho việc khách hàng trả trước thời hạn	204.494.432
Chi phí khen thưởng cho ban công nợ	163.595.546
Cộng	422.621.826

3.2.2.3.4. Dự kiến kết quả

Với biện pháp tích cực trong việc thu hồi công nợ công ty thu được 40% khoản phải thu. Nếu không thực hiện biện pháp nêu trên thì số nợ trên khách hàng còn nợ ít nhất một năm nữa. Nếu thực hiện biện pháp trên thì tổng số nợ phải thu được là: 272.659.242.827đ. Như vậy doanh nghiệp thu được 272.236.621.000đ. Dẫn đến làm giảm chi phí vay 54.447.324.200đ .

3.2.2.3.5. Dự kiến kết quả và so sánh với giá trị khi chưa thực hiện biện pháp

Chỉ tiêu	Trước khi thực hiện	Sau khi thực hiện	Chênh lệch giá trị
----------	---------------------	-------------------	--------------------

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

Các khoản phải thu	681.648.107.067	408.988.864.240	272.659.242.824
Các khoản phải trả	1.620.052.988.011	1.347.816.367.011	272.659.242.824
Khoản phải thu so với khoản phải trả	0,42	0,31	-0,11
Doanh thu thuần (đồng)	2.175.834.491.374	2.175.834.491.374	0
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	3,94	4,24	0,3
Số ngày 1 vòng quay các khoản phải thu (ngày)	91	85	-6

3.3. Một số kiến nghị nhằm tạo điều kiện để thực hiện các biện pháp trên

3.3.1. Đối với phía nhà nước

Nhà nước nên có chính sách, chế độ ưu đãi khuyến khích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về chính sách đầu tư: Chính sách của Đảng và Nhà nước là đầu tư và nắm giữ các doanh nghiệp có liên quan đến an ninh quốc gia, các doanh nghiệp công ích... Tuy vậy đối với loại hình công ty, Nhà nước cần có chính sách đầu tư vì ngành luyện kim là ngành kinh tế mũi nhọn. Việc đầu tư thông qua việc cấp tín dụng, mở rộng tín dụng dài hạn là phù hợp, để công ty có lãi, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhà nước thiết lập một cơ chế pháp lý cụ thể, rõ ràng và chặt chẽ nhằm khắc phục cho tình trạng hiện nay.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

3.3.2. Đối với tập đoàn thép Vạn Lợi

Tập đoàn nên quan tâm hơn nữa tới tình hình hoạt động của công ty CP thép Vạn Lợi. Nhất là vấn đề vốn đầu tư, công ty cần phải có chế độ đối với việc cấp vốn cho công ty và tăng vốn điều lệ.

3.3.3. Đối với Công ty CP thép Vạn Lợi

Với giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của doanh nghiệp đã nêu trên thì doanh nghiệp cần tăng cường công tác đào tạo về quản lý và nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân để đáp ứng đầy đủ hơn nữa với những yêu cầu đòi hỏi mới như ngày nay.

Thực hiện chính sách gắn quyền lợi và trách nhiệm với mỗi bộ phận và mỗi cá nhân. Thực hiện chính sách thưởng phạt phù hợp.

Công tác điều hành sản xuất phải được nâng lên một tầm mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất hàng hóa trong môi trường cạnh tranh khắc nghiệt như hiện nay.

Xem xét, bố trí lại cơ cấu lao động cho hợp lý, đúng người, đúng việc. Kiên quyết xử lý những CBCNV thiếu ý thức trách nhiệm trong công việc, những cán bộ phòng ban còn yếu về kiến thức chuyên môn.

Chú trọng nâng cao hơn nữa năng lực chuyên môn thực tiễn của cán bộ quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật để có tác động trực tiếp tích cực đến nếp nghĩ cách làm của các tổ chức sản xuất đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý kỹ thuật trong giai đoạn 2011-2014.

Tiếp tục khai thác tính ưu việt của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 trong công tác quản lý điều hành sản xuất và

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

kiểm tra chất lượng sản phẩm. Liên tục cải thiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001- 2000 áp dụng trong DN ngày càng hoàn thiện.

Thực hiện việc phân tích tài chính một cách sâu sắc và thường xuyên hơn thông qua một số chỉ tiêu với mục đích cần phân tích. Việc phân tích tình hình tài chính của công ty nên giao cho các cán bộ có trình độ chuyên môn về lĩnh vực này nhằm đưa ra một cách chính xác nhất về tài chính của công ty và các kiến nghị giúp ích cho nhà quản trị đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đồng thời nên qui định các thời điểm phân tích tài chính thông thường là kết thúc quý. Cụ thể như sau:

✓ Điều hành và đổi mới tổ chức sản xuất

Tăng cường cán bộ quản lý nghiệp vụ, bổ sung cán bộ kỹ thuật cho xưởng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Sau giai đoạn đầu tư 2011-2012, do yêu cầu tăng lên về nhân lực. Công ty sẽ xem xét tuyển dụng thêm khoảng 20 công nhân đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu công việc trong giai đoạn mới (theo quy chế tuyển dụng được duyệt).

✓ Công tác thị trường và hợp đồng kinh tế

Trong thời gian trước mắt, công ty chú trọng xúc tiến và chuẩn bị tốt công tác ký kết hợp đồng cung cấp phôi thép và mua bán thép phế liệu đảm bảo luôn có đủ nguyên liệu để dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục, đủ công an việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Về giá bán phôi thép: trong những năm tiếp theo, nếu giá nguyên liệu đầu vào không có xu hướng giảm, công ty tiếp tục xem xét giá cả thị trường đầu vào và giá bán phôi thép mà bạn hàng chấp nhận để mất cân đối sản xuất bảo đảm vừa giữ được bạn hàng, vừa đảm bảo hiệu quả SXKD.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

✓ Công tác quản lý kỹ thuật chất lượng

Khắc phục những tồn tại của những năm vừa qua trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm, công ty có những biện pháp chỉ đạo sản xuất cụ thể, chi tiết, hướng dẫn và bằng mọi biện pháp bắt buộc người lao động phải tuân thủ các chỉ tiêu kỹ thuật (kể cả các biện pháp thưởng thành tích và phạt vi phạm đối với cán bộ phụ trách kỹ thuật từ phòng ban đến xưởng SX, cá nhân hoặc tập thể nào gây thiệt hại phải bồi thường vật chất cho đơn vị).

✓ Thị trường và sản phẩm mục tiêu

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra, công ty đã xác định thị trường phát triển và sản phẩm tiêu thụ trong những năm tới như sau:

Sản phẩm phôi thép SD 390, CT51: công ty tiếp tục đẩy mạnh khai thác thị trường tiêu thụ cho loại sản phẩm này chủ yếu ở khu vực phía Bắc nước ta bằng các biện pháp: tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, chi phí giá thành, tích cực khai thác mở rộng thị trường mới nhằm nâng cao sản lượng tiêu thụ.

Sản phẩm thanh thép D14: đây là sản phẩm mới dự kiến sẽ sản xuất và đưa vào tiêu thụ ở phía Nam nước ta. Sản phẩm này đã, đang và sẽ được tiêu thụ rộng rãi trên thị trường bởi tính ưu việt của nó. Đây là loại sản phẩm có chất lượng tốt, tiện dụng có giá thành cạnh tranh. Công ty sẽ tranh thủ mọi điều kiện và cơ hội đẩy mạnh khai thác thị trường tiêu thụ cho loại sản phẩm này trong một vài năm tới.

✓ Sử dụng nguồn nhân lực

Nước ta hòa nhập nền kinh tế thị trường với điểm xuất phát thấp, do đó chất lượng lao động nói chung còn nhiều bất cập. Bước sang giai đoạn tiếp theo,

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

cùng với việc tuyển dụng bổ sung cán bộ kỹ sư có trình độ và năng lực quản lý, công ty tiếp tục có kế hoạch đào tạo nhân lực nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân để nắm bắt những công nghệ mới tiên tiến hiện đại trên thế giới.

Ngoài ra, đối với đội ngũ cán bộ quản lý công ty sẽ có kế hoạch đào tạo, bồi thường và nâng cao trình độ quản lý kinh tế nhằm phát huy hiệu quả của cán bộ khi tham mưu giúp việc cho ban lãnh đạo của công ty.

Tạo điều kiện khuyến khích để giữ vững đội ngũ CBCNV có tay nghề cao, có những chính sách ưu tiên phù hợp để thu hút và gắn bó người lao động với sự phát triển của công ty.

✓ Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV

Chăm lo đời sống vật chất cho người lao động, nêu cao tinh thần đoàn kết nội bộ, gắn bó trong các phong trào thi đua sản xuất kinh doanh của CBCNV công ty.

Tạo điều kiện lo đủ công ăn việc làm cho người lao động, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động trên cơ sở tăng năng suất và hiệu quả SXKD.

Giải quyết đầy đủ và kịp thời chế độ đối với người lao động. Quan tâm và động viên kịp thời những trường hợp tai nạn lao động, các gia đình chính sách và các gia đình có hoàn cảnh khó khăn để người lao động yên tâm tham gia lao động sản xuất đóng góp vào quá trình phát triển mở rộng SXKD của công ty trong giai đoạn tới.

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi

KẾT LUẬN

Phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp là một trong những hoạt động quan trọng trong công tác quản lý của mỗi doanh nghiệp. Nó có ảnh hưởng lớn tới quyết định trong quản lý và đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác phân tích tài chính trong doanh nghiệp, với những kiến thức đã được trang bị cùng với hoạt động thực tiễn của công ty CP thép Vạn Lợi em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “Phân tích tài chính tại Công ty CP Thép Vạn Lợi và các biện pháp cải thiện tình hình tài chính của công ty CP thép Vạn Lợi”. Được sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Cao Thị Hồng Hạnh và sự nhiệt tình chỉ bảo của các cô chú trong công ty, em đã hoàn thành khóa luận của mình. Do thời gian học tập và nghiên cứu tìm hiểu thực tế tại công ty có hạn, nên khóa luận của em khó tránh khỏi những khiếm khuyết và thiếu sót. Em rất mong sự góp ý, phê bình của các thầy cô giáo cũng như các cô chú trong công ty CP thép Vạn Lợi

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, phòng kinh doanh, phòng tài chính kế toán của công ty CP thép Vạn Lợi và sự hướng dẫn tận tình, sát sao của cô giáo Cao Thị Hồng Hạnh cùng với các thầy cô giáo đã tạo điều kiện cho em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2011

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Ngọc Ly

Phân tích tình hình tài chính và một số biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của công ty cổ phần thép Vạn Lợi
